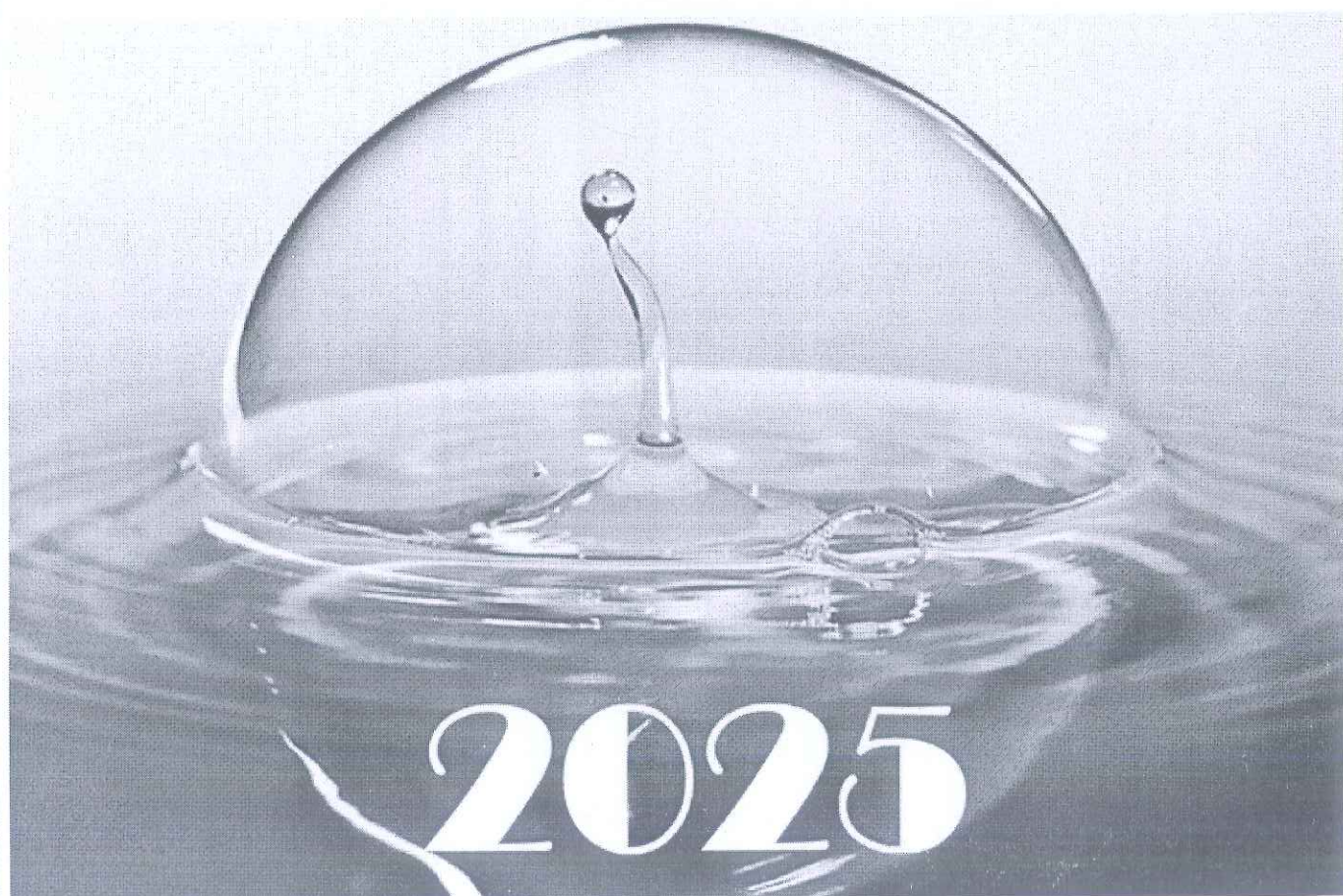


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓA



THAWACO

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



2025



MỤC LỤC



I. Thông tin chung

II. Tình hình hoạt động của năm

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

IV. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty

V. Quản trị Công ty

VI. Báo cáo tài chính



UBND TỈNH THANH HOÁ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-THN

Thanh Hoá, ngày 12 tháng 1 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓA NĂM 2025

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Cấp nước Thanh Hóa
- Tên viết tắt: THAWACO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2800219549
- Vốn điều lệ: 329.954.110.000 đồng
- Địa chỉ: Số 99 Đường Mật Sơn - Phường Hạc Thành - Tỉnh Thanh Hóa
- Số điện thoại: 02373 852 966; FAX: 02373 856 648
- Email: cnth@capnuocth.vn
- Địa chỉ trang điện tử <http://capnuocthanhhoa.vn>
- Mã cổ phiếu: THN
- Mã ISIN: VN000000THN2

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Tiền thân là nhà máy lọc nước Thanh Hóa, do chính quyền thuộc Pháp quản lý 1954

Nhà máy nước Thanh Hóa được đổi tên thành Công ty cấp thoát nước Thanh Hóa theo QĐ 1690/QĐ-TC-UBTH ngày 27/12/1986

Công ty chuyển đổi mô hình từ Công ty cấp thoát nước Thanh Hóa thành Công ty TNHH một thành viên cấp nước Thanh Hóa theo QĐ 2039/QĐ-CT-UBTH

Thực hiện QĐ 4753/QĐ-UBND Công ty chuyển đổi sang hoạt động theo Luật Doanh nghiệp mô hình Công ty Cổ phần cấp nước Thanh Hóa

1931 - 1985

1986 - 2005

2006-27/05/2016

28/05/2016 - nay



Công ty cấp nước Thanh Hóa tiền thân là Nhà máy nước lọc Thanh Hóa, được thành lập ngày 01 tháng 7 năm 1931, trong suốt 94 năm xây dựng và phát triển, công ty đã nhiều lần thay đổi tên gọi và mô hình tổ chức; qui mô và năng lực sản xuất không ngừng lớn mạnh. Chặng đường xây dựng và phát triển của Công ty cấp nước được chia thành 5 giai đoạn chính:

- Giai đoạn từ 1931 đến 1953
- Giai đoạn từ 1954 đến 1985
- Giai đoạn từ 1986 đến 2005
- Giai đoạn từ 2006 đến 27/5/2016
- Giai đoạn từ 28/5/2016 đến nay

Mỗi giai đoạn ấy đều là những mốc son đáng ghi nhớ, là những nấc thang vững chắc để Công ty tiếp bước tới tương lai. Kỷ niệm 94 năm truyền thống cũng là dịp để Công ty tổng kết lại lịch sử xây dựng và phát triển gần một thế kỷ đã cùng đất nước và tỉnh Thanh Hóa trải qua những thăng trầm lịch sử hào hùng, đóng góp cho công cuộc xây dựng và phát triển Thành phố của tỉnh Thanh Hóa.

*** Giai đoạn từ 1931 - 1985**

Nhà máy nước Thanh Hóa hoạt động dưới sự điều hành của chính quyền thuộc Pháp; Đối tượng phục vụ lúc này là các công sở do người Pháp quản lý, phần còn lại là các tư thương trong thị xã Thanh Hóa, thời kỳ này thực hiện chủ trương “Tiêu thổ kháng chiến” của Chính phủ, toàn bộ máy móc thiết bị của nhà máy được tháo dỡ, chuyển về công binh xưởng để chế tạo vũ khí phục vụ kháng chiến, nhà máy ngừng hoạt động.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ. Được sự giúp đỡ của Liên Xô, Nhà máy nước Thanh Hóa được khôi phục đầu tư và nâng cấp, cung cấp nước cho cơ quan, xí nghiệp và một phần dân cư trong khu vực nội thị xã Thanh Hóa.

Bước sang giai đoạn hòa bình theo định hướng XHCN. Thị xã Thanh Hóa được mở rộng, hai đô thị lớn Sầm Sơn, Bỉm Sơn trong tỉnh được thành lập thị xã, các Khu kinh tế các Cụm công nghiệp, thị trấn, thị tứ được hình thành và phát triển, nhu cầu nước sạch cho sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu dịch vụ ngày một tăng, đòi hỏi Nhà máy nước Thanh Hóa phải đầu tư, nâng cấp, cải tạo hệ thống cấp nước.

*** Giai đoạn 1986 - 2005**

Ngày 27 tháng 12 năm 1986, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa có Quyết định số 1690/QĐ-TC-UBTH đổi tên Nhà máy nước Thanh Hóa thành Công ty Cấp nước Thanh Hóa. Chức năng nhiệm vụ của Công ty là: Khai thác, sản xuất nước sạch, phục vụ cho nhu cầu sử dụng của thị xã Thanh Hóa, Sầm Sơn; khảo sát thiết kế, thi công xây dựng và quản lý công trình, hệ thống cấp nước do công ty quản lý, khai thác.

Ngày 30 tháng 05 năm 1992, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa có Quyết định số 775/QĐ-TC-UBTH, đổi tên Công ty Cấp nước Thanh Hóa thành Công ty Cấp nước - Thoát nước Thanh Hóa. Nhiệm vụ được bổ sung: Quản lý, khảo sát, thiết kế, thi công hệ thống cấp, thoát nước.

Nhưng thực tế, việc quản lý hệ thống thoát nước tại thị xã Thanh Hóa và các khu đô thị vẫn do chính quyền địa phương tổ chức thực hiện. Do vậy, ngày 15 tháng 4 năm 1996, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa có Quyết định số 1479/TC-UBTH, đổi tên Công ty Cấp nước - Thoát nước Thanh Hóa thành Công ty Cấp nước Thanh Hóa.

*** Giai đoạn 2005 - 27/5/2016**

Công ty chuyển đổi từ Công ty cấp thoát nước sang Công ty TNHH một thành viên cấp nước Thanh Hóa tại Quyết định số 2039/QĐ-CT-UBTH về việc chuyển đổi Công ty Cấp nước Thanh Hóa thành Công ty TNHH một thành viên cấp nước Thanh Hóa, gọi tắt là Công ty Cấp nước Thanh Hóa. Từ đây trách nhiệm và quyền hạn của Công ty được rõ ràng hơn, phạm vi quản lý hoạt động cấp nước của Công ty không dừng lại ở địa bàn thành phố Thanh Hóa, thị xã Sầm Sơn, thị xã Bỉm Sơn mà mở rộng ra các đô thị, các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

*** Giai đoạn từ 28/05/2016 đến nay.**

Công ty chuyển đổi từ Công ty TNHH một thành viên cấp nước Thanh Hóa sang công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa tại Quyết định số 4753/QĐ-UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Thanh Hóa sang Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa. Từ đây công ty đã chuyển đổi sang hoạt động theo Luật Doanh nghiệp mô hình công ty cổ phần.

- Thời điểm niêm yết cổ phần: Đã được đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam kể từ ngày 07/01/2017.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh chính của công ty là quản lý và sản xuất kinh doanh nước sạch trong phạm vi toàn tỉnh. Các chức năng hành nghề sản xuất kinh doanh khác như: Đầu tư xây dựng các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, tổng thầu thực hiện các dự án cấp thoát nước theo hình thức chìa khóa trao tay; Thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị công nghệ cho các công trình cấp thoát nước, xử lý nước thải và chất rắn; Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, các công trình giao thông, thủy lợi quy mô vừa và nhỏ; kinh doanh dịch vụ khách sạn và các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Gồm Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Ban Tổng giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý, gồm:

+ Hội đồng quản trị;

+ Ban Kiểm soát;

+ Ban Tổng Giám đốc;

+ Các Phòng ban, đơn vị trực thuộc;

- Các công ty con: Không có

**Đại hội đồng cổ đông**

ĐHĐCĐ là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ có trách nhiệm thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về phát triển của Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty.

Ban kiểm soát

Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động

sản xuất kinh
doanh, hoạt động
quản trị và điều

hành của công ty.

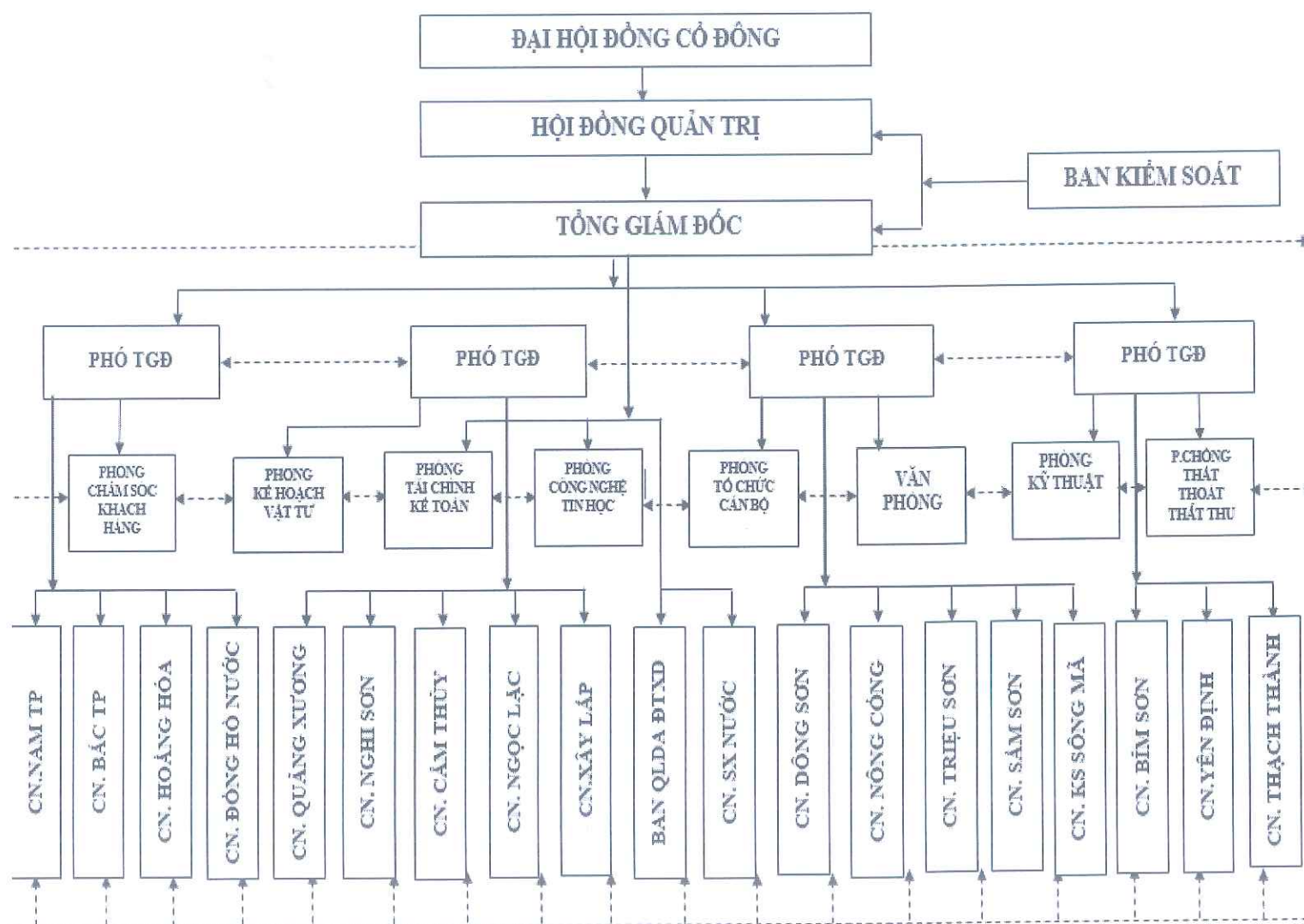
Ban Tổng giám đốc

Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao

THÔNG TIN MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓA**





5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của công ty

- Công ty phấn đấu là doanh nghiệp đứng đầu ngành của tỉnh Thanh Hóa trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nước sạch.
- Phấn đấu là doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả, nâng cao đời sống của cán bộ công nhân viên trong Công ty. Gắn mục tiêu phát triển của Công ty với mục tiêu phát triển của cán bộ công nhân viên.

5.2. Các mục tiêu phát triển trung và dài hạn:

a) Mục tiêu chính trong thực hiện công tác cấp nước:

- Thực hiện theo sự chỉ đạo của UBND tỉnh và cơ quan quản lý Nhà nước trong công tác cấp nước, giữ vững ổn định trong hoạt động của công ty sau khi cổ phần hóa.
- Đảm bảo việc cấp nước đạt theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và đảm bảo nhu cầu dùng nước của nhân dân thuộc các địa bàn Công ty được giao quản lý mạng lưới cấp nước.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên thống nhất, đoàn kết nhằm hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu kế hoạch được giao.
- Mở rộng ngành nghề hoạt động kinh doanh, tiến tới mở rộng thị trường nhằm nâng cao doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.

b) Mục tiêu phát triển sản xuất và đầu tư xây dựng cơ bản:

- Xây dựng chiến lược đầu tư phát triển hệ thống cấp nước, phát triển thị trường và có các giải pháp cụ thể để thực hiện chiến lược phát triển công ty, từng bước đưa công ty phát triển và tăng trưởng bền vững.
- Xây dựng đơn giá sản phẩm, dịch vụ dựa trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật từng ngành quy định, đề nghị các ngành liên quan trình UBND tỉnh ra quyết định phê duyệt làm cơ sở thực hiện.
- Thực hiện chủ trương đa ngành, đa nghề. Công ty tập trung nghiên cứu để phát triển thêm một số ngành nghề mới mang lại hiệu quả kinh tế cao.

5.3. Các nhiệm vụ trọng tâm

Nhằm nâng cao hiệu quả trong điều hành sản xuất, phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026 đã đề ra. Các phòng, ban và đơn vị trực thuộc cần tập trung thực hiện tốt một số công việc sau đây:

- Tiếp tục làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho Cán bộ, Đảng viên và người lao động, để nâng cao ý thức trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ;
- Tiếp tục làm tốt công tác bảo vệ, quản lý nguồn nước, đảm bảo tuyệt đối công tác an toàn cấp nước, đáp ứng tốt nhu cầu dùng nước cho khách hàng; đặc biệt vào các dịp tết nguyên đán, mùa hè, nghỉ lễ...;
- Quyết liệt chỉ đạo, thực hiện công tác chống thất thoát thất thu nước; định kỳ hàng tháng, hàng quý đánh giá công tác chống thất thoát thất thu, để có biện pháp chỉ đạo thực hiện đồng bộ, hiệu quả cho các tháng tiếp theo; phấn đấu hạ giảm tỉ lệ thất thoát thất thu nước xuống 16,0%;
- Tập trung nguồn lực, triển khai thực hiện các công trình trọng điểm như: Nâng công suất NMN Mật Sơn; Tuyến ống truyền tải nước D900-D630 từ NMN Mật Sơn đến các



điểm xuất tuyến; Nâng cấp nhà máy nước Yên Định thêm 1.500 m³/ng.đ; Mở rộng hồ chứa nước thô CN Hoàng Hoá; Nhà vận hành bơm CN Bim Sơn...vv; đáp ứng năng lực cấp nước trên tất cả các địa bàn;

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong việc thanh toán không dùng tiền mặt và khách hàng không phát sinh khối lượng, đồng thời áp dụng các quy định pháp lý để thực hiện tạm dừng cấp nước đối với khách hàng không sử dụng nước, nhằm giảm tỉ lệ khách hàng 0m³;

- Tranh thủ sự ủng hộ của chính quyền địa phương các cấp, tiếp tục đầu tư có chọn lọc trong công tác phát triển khách hàng, mở rộng thị trường tiêu thụ, đem lại hiệu quả trong đầu tư phát triển;

- Đẩy mạnh thực hiện công tác số hoá, tăng cường ứng dụng công nghệ trong quản trị Doanh nghiệp, quản trị hệ thống mạng lưới cấp nước;

- Giữ vững và phát huy khối đại đoàn kết trong tập thể Lãnh đạo, cán bộ ĐV&NLĐ toàn Công ty. Tăng cường hơn nữa công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành; kịp thời xử lý, tháo gỡ những vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Thực hiện tốt chế độ nêu gương, đặc biệt là người đứng đầu đơn vị, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm của người lao động về việc chấp hành nội quy, quy chế công ty, các qui định của pháp luật trong thực thi nhiệm vụ được giao;

- Tiếp tục siết chặt kỷ cương, kỷ luật lao động, tăng cường công tác kiểm tra giám sát, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trong việc chấp hành nội qui, qui chế của Công ty.

- Làm tốt công tác sơ kết, tổng kết đánh giá, rút kinh nghiệm. Kịp thời biểu dương, khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua sản xuất; nhân rộng các điển hình tiên tiến trong toàn Công ty;

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức đoàn thể, thông qua các phong trào thi đua, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật. Tiếp tục thực hiện tốt quy chế dân chủ để phát huy trí tuệ, sức mạnh tập thể, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ SXKD năm 2026 đã đề ra.

- Căn cứ vào các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, Công ty sẽ xem xét khen thưởng cho các đơn vị thực hiện hoàn thành vượt mức kế hoạch.

5.4. Chiến lược phát triển và định hướng đến năm 2030

Thực hiện Quyết định 177/QĐ-UBND ngày 16/1/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp và thương mại tỉnh Thanh Hóa định hướng đến năm 2030.

Với sự phát triển mạnh của dân cư đô thị và các Khu công nghiệp, Khu kinh tế trong địa bàn toàn tỉnh, Công ty tiếp tục tập trung khai thác sản xuất và cung cấp nước sạch, đầu tư xây dựng các công trình cấp nước đáp ứng nhu cầu của thị trường về sản phẩm nước sạch, phát triển và tiến tới đa dạng hoá ngành nghề kinh doanh, đa dạng hoá các hình thức đầu tư để đáp ứng nhiệm vụ trong thời kỳ mới. Công ty tập trung chủ yếu vào một số nhiệm vụ sau:



- Đầu tư các dự án trọng điểm để bổ sung nguồn nước, cải tạo và mở rộng hệ thống ống dẫn, ống phân phối nước đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt, sản xuất và du lịch. Xây dựng lộ trình thực hiện các dự án cấp nước phù hợp với tiến độ các dự án phát triển kinh tế - xã hội, đô thị du lịch và các khu công nghiệp của tỉnh.

- Thực hiện kế hoạch chống thất thoát theo vùng, tuyến ống, phần đầu giảm tỷ lệ thất thoát năm 2026 xuống 16%. Ưu tiên các dự án chống thất thoát thất thu nước sạch nhằm nâng cao năng lực vận hành hệ thống cấp nước và giảm tỷ lệ thất thoát.

- Thực hiện xã hội hoá trong đầu tư, trong hoạt động cấp nước, thu hút các nguồn vốn trong và ngoài nước để đầu tư mới nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước; nâng độ phủ cấp nước đô thị đạt tỷ lệ 100%.

- Nâng cao năng lực, nâng cao công suất cấp nước, chú trọng đến công tác quản lý chất lượng nước. Cung cấp sản phẩm nước sạch đạt chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5502:2003. Duy trì thực hiện hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008, xây dựng và hoàn thiện các quy chế nội bộ; thực hiện công tác quy hoạch cán bộ. Tổ chức đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ công nhân viên; có chính sách thu hút các kỹ sư chuyên ngành, cán bộ nghiệp vụ quản lý kinh tế về làm việc tại Công ty.

- Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật - công nghệ - tin học để nâng cao chất lượng công tác quản lý điều hành, đổi mới phương thức phục vụ - đưa đến khách hàng các dịch vụ - phục vụ tốt nhất, thực hiện chiến lược "Hướng tới khách hàng" để tồn tại và phát triển bền vững.

6. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty

a) Rủi ro về kinh tế:

Cùng với sự phát triển chung của nền kinh tế thì vấn đề nước sạch ngày càng trở nên cần thiết và cấp bách. Chính phủ Việt Nam đã ban hành rất nhiều văn bản, chính sách nhằm phát triển ngành.

Trong xu hướng hội nhập thì vấn đề về nước sạch ngày càng trở nên thiết yếu và quan trọng đối với mỗi người dân Việt Nam.

Do vậy có thể nói hoạt động của Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa trong thời gian tới không gặp trở ngại đáng kể từ nền kinh tế.

b). Rủi ro về luật pháp:

Trong hoạt động Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa có thể gặp một số rủi ro sau:

Rủi ro về chính sách vĩ mô của Nhà nước thay đổi dẫn tới định hướng phát triển mở rộng của Công ty có thể gặp một số khó khăn.

Hệ thống pháp luật kinh doanh nói chung còn thiếu đồng bộ, cơ sở pháp lý cho các hoạt động trong lĩnh vực.

c). Rủi ro đặc thù:

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh nước sạch phụ thuộc vào sự biến đổi của khí hậu và môi trường; công ty không thể chủ động về nguồn



nước thô, điện sản xuất, giới hạn về khu vực cấp nước và quy mô tài sản, chịu sự quản lý chặt về giá...

d). Rủi ro khác:

Các rủi ro khác nằm ngoài dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa, tình trạng xâm nhập mặn, vùng nước ô nhiễm...là những rủi ro bất khả kháng, các yếu tố này nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động SXKD (01/01/2025 đến 31/12/2025)

- *Trong hoạt động sản xuất phục vụ cấp nước:* Mức độ bao phủ dịch vụ cấp nước ngày càng mở rộng; chất lượng nước đảm bảo tiêu chuẩn quy định. Sản lượng nước hàng hóa của công ty đạt 44.023.343m³ bằng 100,8% kế hoạch. Doanh thu cấp nước đạt 457,4 tỷ đồng bằng 101,6% kế hoạch.

- *Trong hoạt động xây lắp, tư vấn và hoạt động khác:* Hoạt động xây lắp, tư vấn mặc dù gặp nhiều khó khăn trong tìm kiếm công việc. Tuy vậy, doanh thu xây lắp, tư vấn & hoạt động khác thực hiện 17,6 tỷ đồng bằng 146,7% kế hoạch.

- *Hiệu quả hoạt động:* Doanh thu thuần đạt 475 tỷ đồng, bằng 102,8% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế đạt 70,1 tỷ đồng bằng 114,9% kế hoạch. Như vậy, mặc dù hoạt động xây lắp, tư vấn không thuận lợi, nhưng với nỗ lực tiết giảm chi phí, hiệu quả hoạt động SXKD năm 2025 của công ty tương đối tích cực đáng ghi nhận.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban quản lý điều hành của Công ty gồm:

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần năm giữ
I	Hội đồng quản trị		
1	Lê Thế Sơn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	17.233.022
1	Phạm Văn Tú	Phó chủ tịch HĐQT	6.883.500
3	Lê Trung Hiếu	Thành viên HĐQT	3.761.449
4	Lê Sỹ Len	Thành viên HĐQT	57.400
5	Lê Văn Quý	Thành viên HĐQT	7.400
II	Ban Kiểm soát		



1	Vũ Văn Hà	Trưởng Ban kiểm soát	6.000
2	Trịnh Thị Huyền	Thành viên Ban kiểm soát	6.200
3	Mai Thanh Thương	Thành viên Ban kiểm soát	-
III	Ban Tổng Giám đốc		
1	Lê Trung Hiếu	Tổng Giám đốc	3.761.449
2	Lê Sỹ Len	Phó Tổng Giám đốc	57.400
3	Lê Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc	7.400
4	Nguyễn Huy Trường	Phó Tổng Giám đốc	6.200
5	Nguyễn Văn Tân	Phó Tổng Giám đốc	7.000
IV	Kế toán trưởng		
1	Nguyễn Thị Nga	Kế toán trưởng Công ty	7.000

2.2 Sơ yếu lý lịch:

Hội đồng quản trị (HĐQT) có 05 thành viên, trong đó có 03 thành viên HĐQT điều hành và 02 thành viên HĐQT không điều hành.

(1) Ông: Lê Thế Sơn - Chủ tịch HĐQT

Họ và tên	Lê Thế Sơn
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	17/12/1979
Nơi sinh	Huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	SN 78 Phố Đặng Văn Hỷ, P. Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa
CCCD	038079004350; cấp ngày 11/8/2021, nơi cấp: Cục CSHC
Điện thoại liên hệ	0983 317 707
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế; Thạc sĩ kinh tế chính trị
Chức vụ hiện nay	Chủ tịch HĐQT



1	Vũ Văn Hà	Trưởng Ban kiểm soát	6.000
2	Trịnh Thị Huyền	Thành viên Ban kiểm soát	6.200
3	Mai Thanh Thương	Thành viên Ban kiểm soát	-
III	Ban Tổng Giám đốc		
1	Lê Trung Hiếu	Tổng Giám đốc	3.761.449
2	Lê Sỹ Len	Phó Tổng Giám đốc	57.400
3	Lê Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc	7.400
4	Nguyễn Huy Trường	Phó Tổng Giám đốc	6.200
5	Nguyễn Văn Tân	Phó Tổng Giám đốc	7.000
IV	Kế toán trưởng		
1	Nguyễn Thị Nga	Kế toán trưởng Công ty	7.000

2.2 Sơ yếu lý lịch:

Hội đồng quản trị (HĐQT) có 05 thành viên, trong đó có 03 thành viên HĐQT điều hành và 02 thành viên HĐQT không điều hành.

(1) Ông: Lê Thế Sơn - Chủ tịch HĐQT

Họ và tên	Lê Thế Sơn
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	17/12/1979
Nơi sinh	Huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	SN 78 Phố Đặng Văn Hỷ, P. Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa
CCCD	038079004350; cấp ngày 11/8/2021, nơi cấp: Cục CSHC
Điện thoại liên hệ	0983 317 707
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế; Thạc sĩ kinh tế chính trị
Chức vụ hiện nay	Chủ tịch HĐQT



Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	17.233.022 cổ phần
<i>Trong đó</i>	
- Sở hữu cá nhân	0 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	17.233.022 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Họ tên người có liên quan: Mối quan hệ: Số cổ phần sở hữu:
Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có

(2) Ông: Phạm Văn Tú - Phó Chủ tịch HĐQT

Họ và tên	Phạm Văn Tú
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	08/8/1985
Nơi sinh	Xã Hải Lộc, tỉnh Nghệ An
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	SN 05 phố Lưu Đò, P. Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa
CCCD	040085001230 do Cục CS QLHC cấp ngày 17/7/2022
Điện thoại liên hệ	0912 812 579
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay	Phó Chủ tịch HĐQT



Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	6.883.500 cổ phần
Trong đó	
- Sở hữu cá nhân	6.883.500 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Họ tên người có liên quan: Mối quan hệ: Số cổ phần sở hữu:
Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Được hưởng thù lao của Thành viên HĐQT
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có

(3) Ông: Lê Trung Hiếu - TVHĐQT - Tổng Giám đốc

Họ và tên	Lê Trung Hiếu
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	06/12/1991
Nơi sinh	Xã Quảng Chính, tỉnh Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số 79 Lạc Long Quân, P. Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
Chứng minh nhân dân	362347078 ngày cấp: 09/8/2014, Nơi cấp CA Cần Thơ
Điện thoại liên hệ	0915 554 857



Trình độ chuyên môn	Kiến trúc sư
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số lượng CP đang nắm giữ	3.761.449 cổ phần
<i>Trong đó</i>	
- Sở hữu cá nhân	2.100 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	3.759.349 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không có
Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có

(4) Ông: Lê Sỹ Len - TVHĐQT - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên	Lê Sỹ Len
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	06/7/1969
Nơi sinh	Xã An Nông, tỉnh Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Lô 161, Đông vệ 5, P. Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
CMND	172584987, ngày cấp: 31/8/2009, nơi cấp: Công an Thanh Hóa



Điện thoại liên hệ	0912162625
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	57.400 cổ phần
Trong đó	
- Sở hữu cá nhân	57.400 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Họ tên người có liên quan: Mối quan hệ: Số cổ phần sở hữu:
Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Được hưởng thù lao thành viên HĐQT
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có

(5) Ông: Lê Văn Quý - TVHĐQT - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên	Lê Văn Quý
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	02/9/1968
Nơi sinh	Xã Hoàng Phú, tỉnh Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	06 Nguyễn Thái Học, P. Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa



CMND	171447596, ngày cấp: 17/12/2006, nơi cấp: Công an Thanh Hóa
Điện thoại liên hệ	0904274688
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	7.400 cổ phần
<i>Trong đó</i>	
- Sở hữu cá nhân	7.400 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	0 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	<i>Họ tên người có liên quan:</i> <i>Mối quan hệ:</i> <i>Số cổ phần sở hữu:</i>
Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Được hưởng thù lao thành viên HĐQT
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có

(6) Ông: Nguyễn Huy Trường - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên	Nguyễn Huy Trường
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	24/11/1971
Nơi sinh	Xã Hoằng Lộc, tỉnh Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam



Địa chỉ thường trú	SN LK83 Khu dân cư Đông Thọ, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa
CCCD	038071011677
Điện thoại liên hệ	0919016009
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay	Phó Tổng giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	6.200 cổ phần
<i>Trong đó</i>	
- Sở hữu cá nhân	6.200 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Họ tên người có liên quan: Mối quan hệ: Số cổ phần sở hữu:
Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có

(7) Ông: Nguyễn Văn Tân - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên	Nguyễn Văn Tân
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	07/06/1972



Nơi sinh	Xã Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Lô 61-62 MBQH790, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
CCCD	038072010878
Điện thoại liên hệ	0834548999
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế, Cử nhân Luật
Chức vụ hiện nay	Phó Tổng giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	7.000 cổ phần
<i>Trong đó</i>	
- Sở hữu cá nhân	7.000 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không có
Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có

(8) Ông: Vũ Văn Hà - Trưởng ban kiểm soát

Họ và tên	Vũ Văn Hà
Giới tính	Nam



Ngày tháng năm sinh	05/07/1983
Nơi sinh	Xã Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Lô 747 – Đường Trịnh Tạc, Phường Hạc Thành , T.Thanh Hoá
CMND	
Điện thoại liên hệ	0914337870
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay	Trưởng Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	6.000 cổ phần
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	6.000 cổ phần
Được ủy quyền đại diện	Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không có
Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có

(9) Bà: Mai Thanh Thương - Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	Mai Thanh Thương
-----------	------------------



Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	08/12/1993
Nơi sinh	Xã Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số nhà 25 Ngõ Sùng – Đường Trần Xuân Soạn, Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá
CMND	038193034119
Điện thoại liên hệ	0366447981
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	Không có
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	Không có
Được ủy quyền đại diện	Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không có
Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Được hưởng thù lao của thành viên Ban kiểm soát
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có

**(10) Bà: Trịnh Thị Huyền – Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên	Trịnh Thị Huyền
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	19/6/1971
Nơi sinh	Xã Thiệu Công, tỉnh Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	SN 02A/46 – Mật Sơn, P. Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa.
Căn cước công dân	038171003466; Ngày cấp: 19/9/2017; Nơi cấp: Cục CS QLDLQG về dân cư
Điện thoại liên hệ	0934655878
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay	Thành viên Ban kiểm soát Kiêm Phó Phòng KHVT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	6.200 cổ phần
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	6.200 cổ phần
Được ủy quyền đại diện	0 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Họ tên người có liên quan: Mối quan hệ: Số cổ phần sở hữu:
Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Được hưởng thù lao của thành viên Ban kiểm soát



Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có
-----------------------------------	----------

(12) Bà: Nguyễn Thị Nga - Kế toán trưởng

Họ và tên	Nguyễn Thị Nga
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	12/11/1973
Nơi sinh	Xã Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số nhà 145 đường Đinh Công Tráng, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa.
Căn cước công dân	038173003600; cấp ngày 14/8/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
Điện thoại liên hệ	0962156586
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay	Kế toán trưởng Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	7.000 cổ phần
Trong đó	
- Sở hữu cá nhân	7.000 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	0 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không có
Các khoản nợ đối với Công ty	Không có



Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có

- Những thay đổi trong ban quản trị, điều hành:

+ Ban quản trị điều hành có Đ/c Nguyễn Ngọc Cần, Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty; Đ/c Lê Ngọc Đình, Phó Tổng Giám đốc Công ty nghỉ chế độ theo quy định.

+ Ban kiểm soát có Đ/chí Lê Thị Hà, Trưởng Ban kiểm soát Nghỉ chế độ theo quy định; Đ/chí Nguyễn Công Khanh, thành viên Ban kiểm soát nghỉ không tham gia thành viên BKS nhiệm kỳ 2025-2030.

+ Bỏ nhiệm Đ/c Lê Trung Hiếu giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty;

+ Bỏ nhiệm Đ/c Lê Văn Quý giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty;

+ Bỏ nhiệm Đ/c Nguyễn Huy Trường giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty;

+ Bỏ nhiệm Đ/c Nguyễn Văn Tân giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty.

+ Đại hội đồng cổ đông bầu Đ/c Vũ Văn Hà giữ chức Trưởng ban Kiểm soát; bầu Đ/c Mai Thanh Thương làm thành viên Ban Kiểm soát.

- Số lượng cán bộ công nhân viên của công ty tính đến ngày 31/12/2025 là: 870 người, trong đó: Nữ 379 người; Đại học trở lên 56,4% ; Cao đẳng, trung cấp 27,4%; Công nhân kỹ thuật 16,2%.

- Các chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động
Để đáp ứng với tình hình hoạt động với mô hình công ty cổ phần, sau khi chuyển đổi mô hình hoạt động của Công ty cổ phần, công ty đã sửa đổi và ban hành các quy chế quản lý nội bộ để áp dụng cho phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty, như Quy chế về tiền lương, tiền thưởng, quy chế quản lý tài chính và một số quy định khác.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

Nâng công suất NMN Mật Sơn; Tuyến ống truyền tải nước D900-D630 từ NMN Mật Sơn đến các điểm xuất tuyến; Nâng cấp nhà máy nước Yên Định thêm 1.500 m³/ng.đ; Mở rộng hồ chứa nước thô CN Hoàng Hoá; Nhà vận hành bơm CN Bím Sơn...vv. Đồng thời lắp đặt mở rộng mạng lưới cấp nước tại một số địa bàn, phục vụ công tác phát triển mở rộng thị trường, nhất là khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, giúp nhân dân khu vực khó khăn sớm được tiếp cận nguồn nước sạch theo tinh thần Nghị quyết số 58, ngày 05/8/2020 của Bộ chính trị. Năm 2025 Công ty đã phát triển mới hơn 12 nghìn khách hàng;

Nhiều hạng mục công trình xuống cấp được sửa chữa cải tạo, thay thế khắc phục kịp



thời để đảm bảo công tác an toàn cấp nước; góp phần cải thiện đáng kể chất lượng hệ thống mạng lưới, nâng cao năng lực cấp nước và hạ giảm tỉ lệ thất thoát thất thu nước.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Đơn vị: VNĐ	
	NĂM 2024	NĂM 2025
1. Tổng giá trị tài sản	692.614.383.822	715.107.887.578
2. Doanh thu thuần	456.084.144.257	475.000.083.940
3. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	67.793.652.585	69.671.344.704
4. Lợi nhuận khác và thu nhập khác	1.706.528.906	475.154.468
5. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10,09%	13,18%
6. Tổng Tài sản /doanh thu	1,52 lần	1,51 lần
7. Thuế và các khoản phải nộp	53.538.210.833	49.754.782.748
8. Lợi nhuận trước thuế	69.500.181.491	70.146.499.172
9. Lợi nhuận sau thuế	62.147.000.152	62.943.565.898

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tại ngày 15/05/2017 theo Nghị quyết số 111/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên, và tại ngày 29/5/2017 theo giấy đăng ký doanh nghiệp, tổng số vốn cổ phần là: 32.995.411 cổ phần;

- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông;

- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do là: 31.040.411 cổ phần;

- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng là: 1.955.000 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông Nhà nước: Gồm có 02 thành viên HĐQT của Công ty làm Đại diện.

- Cổ đông lớn: 01 người

- Cổ đông nhỏ là CBCNV của Công ty: 669 người

- Cổ đông khác: 01 người

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Tại thời điểm 31/12/2025 vốn điều lệ của Công ty là: 329.954.110.000 đồng, tương đương số cổ phần là: 32.995.411 cổ phần.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

đ) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng nguyên vật liệu sử dụng trong sản xuất



TT	Nguyên vật liệu	ĐVT	Khối lượng
	Nước thô	1000M3	53.587.855
	Phèn	Tấn	474,079
	PAC	Tấn	340,520
	Clo	Tấn	78,110
	Javen	Tấn	55,7

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

TT	Nguyên vật liệu	ĐVT	Khối lượng
	Điện	KW	13.948.449

6.3. Tiêu thụ nước:

- Cho các hoạt động sản xuất của doanh nghiệp: Nước mặt và nước ngầm.
- Phục vụ CBCNV: Nước sạch do Công ty trực tiếp sản xuất.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động tính đến ngày 31/12/2025 là 870 người (LĐ đóng BHXH); mức thu nhập bình quân của người lao động là 13.250.000 đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động:

- Chi trả các khoản độc hại, phụ cấp cho người lao động đầy đủ theo quy định;
- Trang cấp bảo hộ lao động và các thiết bị làm việc cho người lao động đầy đủ;
- Hàng năm công ty tổ chức và thực hiện tốt công tác khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho một người lao động là 20 giờ/người/năm
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp. Công ty đã tổ chức triển khai thông qua các hoạt động như, Hội thi tay nghề, hội thi các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, mở các lớp tập huấn, tham quan học tập kinh nghiệm ở các đơn vị bạn.v.v.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Hàng năm công ty phối hợp với công đoàn thăm hỏi và hỗ trợ cho các đồng bào vùng sâu, vùng xa, các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, các vùng bị thiên tai hỏa hoạn...vv

6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc



1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- *Trong hoạt động sản xuất phục vụ cấp nước:* Trong năm 2025, giá điện, vật tư, nguyên vật liệu, tiền lương đều tăng; biến đổi khí hậu ngày càng cực đoan ảnh hưởng tới nguồn nước thô, trong khi đó giá nước chưa được điều chỉnh kịp thời...vv. Song, với sự quan tâm chỉ đạo kịp thời, quyết liệt của Đảng ủy, HĐQT, Ban điều hành, sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban, đơn vị; công tác sản xuất cấp nước được đảm bảo an toàn trong mọi tình huống, đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng nước của khách hàng; Tuyệt đối tuân thủ quy trình sản xuất, đảm bảo chất lượng nước theo QCVN 01-1:2018/BYT; Chất lượng dịch vụ ngày được nâng cao trên tất cả các tiêu chí, được khách hàng phản hồi rất tích cực;

- *Trong hoạt động xây lắp, tư vấn và hoạt động khác:* Hoạt động xây lắp, tư vấn mặc dù gặp nhiều khó khăn trong tìm kiếm công việc. Tuy vậy, doanh thu xây lắp, tư vấn & hoạt động khác thực hiện 17,6 tỷ đồng bằng 146,7% kế hoạch;

- *Hiệu quả hoạt động:* Doanh thu thuần đạt 475 tỷ đồng, bằng 102,8% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế đạt 70,1 tỷ đồng bằng 114,9% kế hoạch. Như vậy, mặc dù hoạt động xây lắp, tư vấn không thuận lợi, nhưng với nỗ lực tiết giảm chi phí, hiệu quả hoạt động SXKD năm 2025 của công ty tương đối tích cực đáng ghi nhận.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản:

- Tổng tài sản thời điểm cuối kỳ (31/12/2025) là 715.107.887.578 đồng; trong đó, Tài sản ngắn hạn là 62.079.687.036 đồng, Tài sản dài hạn là 653.028.200.542 đồng.

- Tổng tài sản cuối kỳ tăng 22.493.503.756 đồng, tăng 1,032% so với đầu kỳ.

b) Tình hình nợ phải trả:

- Tổng nợ phải trả thời điểm cuối kỳ (31/12/2025) là 277.770.931.568 đồng; trong đó, Nợ ngắn hạn là 146.761.873.088 đồng, Nợ dài hạn là 131.009.058.480 đồng.

- Tổng nợ phải trả cuối kỳ tăng 12.374.887.987 đồng, tăng 1,047% so với đầu kỳ.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Thực hiện Quyết định số: 177/QĐ-UBND ngày 16/1/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp và thương mại tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Kế hoạch phát triển trong tương lai của công ty như sau:

- Đầu tư các dự án trọng điểm để bổ sung nguồn nước, cải tạo và mở rộng hệ thống ống dẫn, ống phân phối nước đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt, sản xuất và du lịch. Xây dựng lộ trình thực hiện các dự án cấp nước phù hợp với tiến độ các dự án phát triển kinh tế - xã hội, đô thị du lịch và các khu công nghiệp của tỉnh.

- Tăng cường công tác bảo vệ, quản lý nguồn nước và xây dựng phương án sản xuất, cấp nước chủ động, an toàn, liên tục, đáp ứng tốt nhất nhu cầu sử dụng nước của khách hàng.

- Thực hiện kế hoạch chống thất thoát theo vùng, tuyến ống, phân đầu giảm tỷ lệ thất thoát xuống 16%. Ưu tiên các dự án chống thất thoát thất thu nước sạch nhằm nâng cao năng lực vận hành hệ thống cấp nước.



- Thực hiện xã hội hoá trong đầu tư, trong hoạt động cấp nước, thu hút các nguồn vốn trong và ngoài nước để đầu tư mới nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước; nâng độ phủ cấp nước đô thị đạt tỷ lệ 100%.

- Nâng cao năng lực, nâng cao công suất cấp nước, chú trọng đến công tác quản lý chất lượng nước sản phẩm nước sạch đạt chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam QCVN 01:2009 của Bộ y tế. Duy trì thực hiện hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008, xây dựng và hoàn thiện các quy chế nội bộ; thực hiện công tác quy hoạch cán bộ đến năm 2030.

- Tổ chức đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ công nhân viên; có chính sách thu hút các kỹ sư chuyên ngành, cán bộ nghiệp vụ quản lý kinh tế về làm việc tại Công ty.

- Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật - công nghệ - tin học để nâng cao chất lượng công tác quản lý điều hành, đổi mới phương thức phục vụ - đưa đến khách hàng các dịch vụ - phục vụ tốt nhất, thực hiện chiến lược "Hướng tới khách hàng" để tồn tại và phát triển bền vững.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

- Thực hiện nghiêm quy phạm pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh, quy định về chế độ kế toán tài chính doanh nghiệp, nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước, quy định về quản lý, bảo vệ hệ thống công trình ngầm đô thị trong thi công hệ thống cấp nước.

- Chủ động xây dựng các phương án bảo vệ nguồn nước, gắn với công tác quản lý, giám sát và ứng phó kịp thời các nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng, trữ lượng nguồn nước.

- Xây dựng hình ảnh Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa là doanh nghiệp cấp nước có dịch vụ tốt, hướng đến khách hàng, đảm bảo nhu cầu sử dụng nước sạch của nhân dân và các tổ chức, doanh nghiệp trên tất cả các địa bàn công ty phục vụ cấp nước.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Các chế độ, quyền lợi hợp pháp, chính đáng của người lao động luôn được đảm bảo; ngoài việc thực hiện tốt các chính sách về tiền lương, tiền thưởng thưởng, chế độ bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp theo quy định pháp luật, duy trì các chế độ phúc lợi vào các ngày lễ lớn, các chế độ về ăn ca, trang bị cấp phát đồng phục, bảo hộ lao động, khám sức khỏe định kỳ, bảo hiểm thân thể, hỗ trợ CBCNV khi hiếu hỉ.... ; Công ty cũng luôn chú trọng vào việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên. Với mức thu nhập bình quân 13.250.000 đ/người/tháng, đời sống của cán bộ công nhân viên ngày một cải thiện và phát triển. Đời sống tinh thần của cán bộ công nhân viên cũng trở nên phong phú và có ý nghĩa với các hoạt động nghỉ dưỡng, tham quan du lịch, giao lưu văn hóa, văn nghệ, giao lưu thi đấu bóng chuyền sau giờ làm việc, giao lưu văn nghệ, Tất cả đã tạo nên nét văn hóa của Công ty, làm cho cán bộ công nhân viên thêm tự hào, có sức khỏe, tinh thần nhiệt huyết, lao động sáng tạo góp phần xây dựng Công ty ngày càng phát triển.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của DN đối với cộng đồng địa phương:

- Công ty luôn đề cao trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương, thể hiện rõ trên các khía cạnh môi trường, an sinh xã hội và tuân thủ pháp luật. Công ty chú trọng công



tác bảo vệ nguồn nước, kiểm soát chất lượng nước sạch, giảm thiểu tác động đến môi trường, góp phần sử dụng tài nguyên nước an toàn và bền vững. Đồng thời, Công ty tích cực thực hiện các hoạt động an sinh xã hội, bảo đảm cung cấp nước sạch ổn định cho người dân, hỗ trợ các đối tượng chính sách, khu vực khó khăn và đồng hành cùng địa phương trong các chương trình vì cộng đồng. Bên cạnh đó, Công ty nghiêm túc chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên nước, bảo vệ môi trường, đầu tư xây dựng và hoạt động sản xuất - kinh doanh, qua đó khẳng định vai trò doanh nghiệp công ích gắn với trách nhiệm xã hội và phát triển bền vững.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

- Trong thời gian qua, Công ty đã duy trì hoạt động sản xuất - kinh doanh ổn định, bảo đảm cung cấp nước sạch an toàn, liên tục phục vụ nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Công tác quản trị doanh nghiệp, đầu tư xây dựng, quản lý tài chính và sử dụng lao động được thực hiện theo đúng quy định, hiệu quả từng bước được nâng cao. Bên cạnh đó, Công ty nghiêm túc thực hiện trách nhiệm về bảo vệ môi trường, quản lý và bảo vệ nguồn nước, kiểm soát chất lượng nước sạch, đồng thời tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội, chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật, góp phần khẳng định vai trò doanh nghiệp công ích gắn với trách nhiệm xã hội và phát triển bền vững.

- Thực hiện nghiêm quy phạm pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh, quy định về chế độ kế toán tài chính DN, nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước, quy định về quản lý, bảo vệ hệ thống công trình ngầm đô thị trong thi công hệ thống cấp nước.

- Xây dựng hình ảnh Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa là doanh nghiệp cấp nước có dịch vụ tốt, hướng đến khách hàng, đảm bảo nhu cầu sử dụng nước sạch của nhân dân và các tổ chức, doanh nghiệp trên tất cả các địa bàn công ty phục vụ cấp nước.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Năm 2025 công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành tiếp tục được đổi mới, tạo bầu không khí hào hứng, thi đua sôi nổi trong tất cả các hoạt động sản xuất. Ban Tổng giám đốc luôn thực hiện đúng theo quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty, đảm bảo tính dân chủ, luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, tạo được sự đoàn kết, đồng thuận, nhất trí cao trong nội bộ Công ty.

Đề ra các chủ trương, giải pháp hữu hiệu trong lãnh đạo và chỉ đạo các hoạt động SXKD, đồng thời triển khai đồng bộ các giải pháp; hoàn thiện công tác tổ chức bộ máy, năm 2025 đã thực hiện bổ nhiệm, luân chuyển một số vị trí cán bộ chủ chốt nhằm ổn định và nâng cao hiệu quả trong SXKD, thực hiện giải pháp quản lý chặt chẽ, tiết kiệm tối đa các chi phí sản xuất, đưa ra các giải pháp kịp thời, phù hợp, tháo gỡ khó khăn đảm bảo thu nhập, nâng cao đời sống cho người lao động.

Ban Tổng giám đốc luôn chủ động trong việc chỉ đạo, điều hành SXKD theo chức năng nhiệm vụ được giao, thường xuyên báo cáo, đề xuất Hội đồng quản trị các vấn đề, nội dung công việc liên quan đến lợi ích và chiến lược phát triển của Công ty để kịp thời đưa ra những Nghị quyết, phù hợp với định hướng phát triển bền vững.

Bằng sự chỉ đạo quyết liệt, sâu sát của Ban điều hành về việc thực hiện nghiêm ngặt chế độ quản lý, vận hành, sửa chữa, cải tiến thiết bị, thực hiện pha trộn hóa chất ở



chế độ tối ưu nhất, do đó đã tiết kiệm đáng kể chi phí trong sử dụng điện năng và hóa chất xử lý nước, cụ thể tại ba nhà máy lớn Mật Sơn, Hàm Rồng và Quảng Thịnh.

Thường xuyên phối hợp với các tổ chức Đảng, Đoàn thể khác trong Công ty để nâng cao hiệu quả trong điều hành và đảm bảo quyền lợi cho người lao động. Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần tạo nên sức mạnh tập thể, tạo khí thế trong lao động sản xuất, tạo môi trường tốt để CBCNV có sự cống hiến, toàn tâm toàn ý để xây dựng và phát triển Công ty.

Phối hợp chặt chẽ có hiệu quả các hoạt động giữa HĐQT, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát Công ty, tuân thủ đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Kế hoạch định hướng của HĐQT

3.1. Hoạt động SXKD:

- Độ bao phủ dịch vụ cấp nước: Khu vực đô thị 97% trở lên; Các khu vực khác từ 75 - 92% trở lên. Tập trung thực hiện chương trình cấp nước an toàn, đảm bảo nhu cầu tiêu dùng nước của tất cả khách hàng trên địa bàn quản lý.

- Tập trung đầu tư nâng cấp, sửa chữa hệ thống cấp nước, tiếp tục triển khai chương trình giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước theo chiều sâu nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh. Thực hiện có hiệu quả phương án vốn vay thương mại để triển khai các dự án đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước, dự án sửa chữa cải tạo nâng cấp.

- Thực hiện tốt các giải pháp quản lý mạng lưới cấp nước và chăm sóc khách hàng ngày càng nâng cao chất lượng dịch vụ; quản lý hiệu quả các chỉ tiêu kinh doanh nước sạch góp phần nâng cao doanh thu tiền nước nói riêng và hiệu quả KD nói chung.

- Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra của HĐQT; soát xét, bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện các qui chế nội bộ để các qui chế này thực sự là các công cụ quản lý hữu hiệu nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Chú trọng nâng cao năng suất lao động, đào tạo lực lượng lao động tâm huyết, giỏi chuyên môn và thân thiện với khách hàng; nâng cao mức ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ yêu cầu, chất lượng phục vụ khách hàng nói riêng và công tác quản lý nói chung. Xây dựng hình ảnh Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa là doanh nghiệp cấp nước thân thiện, chuyên nghiệp và hiện đại hơn nữa.

3.2. Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2026:

Trên cơ sở kết quả SXKD năm 2025 và định hướng chiến lược phát triển Công ty HĐQT xác định mục tiêu nhiệm vụ năm 2026 như sau:

a) *Nâng cao hiệu quả SXKD*, đảm bảo tính hiệu quả và phát triển bền vững với 6 mục tiêu chính: Phần đầu hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD năm 2026; hạ tỷ lệ thất thoát thất thu nước xuống mức 16%; giữ tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm từ 3,5-4% về doanh thu, lợi nhuận và thu nhập bình quân người lao động; mở rộng phát triển dịch vụ về vùng nông thôn; từng bước tự động hóa điều hành hệ thống cấp nước; tăng cường cải thiện chất lượng dịch vụ;

b) Các chỉ tiêu chính:

- Nước hàng hóa: 45.589.200m³
- Tỷ lệ thất thoát, thất thu: 16%
- Phát triển khách hàng: 8.025 hộ



- Tổng doanh thu: 473.809 triệu đồng
- Nộp ngân sách: 50.500 triệu đồng
- Lợi nhuận: 61.500 triệu đồng
- Thu nhập bình quân: 12.500.000 đ/người/tháng

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị, gồm có 5 người:

- Ông: Lê Thế Sơn - Chủ tịch HĐQT, nắm giữ 17.233.022 cổ phần = 52,22% ; tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Ông Phạm Văn Tú - Phó Chủ tịch HĐQT, nắm giữ 6.883.500 cổ phần = 20,86%, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Ông: Lê Trung Hiếu - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc nắm giữ 3.761.449 cổ phần = 11,40% ; tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

- Ông: Lê Sỹ Len - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc, nắm giữ 57.400 cổ phần = 0,17 %; tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Ông Lê Văn Quý - Thành viên HĐQT. Trưởng phòng TCCB, nắm giữ 7.400 cổ phần = 0,022%, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

b) Các tiểu ban Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Ngay sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã tiến hành họp để đánh giá kết quả cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông đồng thời ra Nghị quyết về việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Hội đồng quản trị đã tổ chức nhiều phiên họp thường kỳ và đột xuất theo các hình thức phù hợp để ban hành các Nghị quyết, Quyết định cần thiết phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Các Nghị quyết, Quyết định quan trọng được thông qua gồm:

TT	Số NQ/QĐ	Ngày ban hành	Nội dung
1	01/QĐ-HĐQT	03/01/2025	Quyết định phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động năm 2025
2	02/QĐ-HĐQT	15/01/2025	Quyết định phê duyệt bổ sung nhà thầu phụ thực hiện gói thầu số 4, thuộc Dự án cải tạo dây chuyền công nghệ và nâng công suất nhà máy nước Mật Sơn
3	02A/QĐ-HĐQT	15/01/2025	Quyết định phê duyệt xây dựng công trình: Di dời đường ống mở rộng Đường Nổ Giáp, Vạn Thắng, Nghi Sơn
4	03/QĐ-HĐQT	20/01/2025	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng tuyến ống truyền tải số 3 cấp nước Phí đông Nam TPTH và Sầm Sơn
5	05A/QĐ-HĐQT	23/01/2025	Quyết định phê duyệt đầu tư công trình di chuyển đường ống nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn QL1A-TX Nghi Sơn



6	05/QĐ-HĐQT	17/02/2025	Quyết định Ban hành quy chế quản lý, sử dụng hệ thống văn bản điện tử
7	06/QĐ-HĐQT	28/02/2025	Quyết định bổ sung kế hoạch sửa chữa thay thế một số hạng mục phục vụ vận hành cấp nước tại Chi nhánh Hoàng Hoá
8	07/QĐ-HĐQT	06/03/2025	Quyết định V/v thay thế di chuyển tuyến ống phục vụ thi công đường giao thông xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hoá
9	08/QĐ-HĐQT	10/03/2025	Quyết định ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cách chức cán bộ chủ chốt Công ty CP Cấp nước Thanh Hoá
10	09/QĐ-HĐQT	12/03/2025	Quyết định phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 của người lao động Công ty CP Cấp nước Thanh Hoá
11	10/QĐ-HĐQT	12/03/2025	Quyết định phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 của người quản lý chuyên trách Công ty CP Cấp nước Thanh Hoá
12	11/QĐ-HĐQT	12/03/2025	Quyết định giao phụ trách Ban quản lý dự án ĐQXD Công ty CP cấp nước Thanh Hoá
13	12/QĐ-HĐQT	12/03/2025	Quyết định v/v thay thế di chuyển tuyến ống phục vụ thi công đường giao thông xã Hoàng Thịnh, huyện Hoàng Hoá
14	13/QĐ-HĐQT	17/03/2025	Quyết định v/v thay thế di chuyển tuyến ống thuộc phạm vi dự án thi công đường giao thông tại Thị trấn Kim Tân Thạch Thành
15	14/QĐ-HĐQT	25/03/2025	Quyết định thành lập Hội đồng xử lý Công nợ
16	15/QĐ-HĐQT	26/03/2025	Quyết định phê duyệt chủ trương “Di chuyển đường ống cấp nước bị ảnh hưởng do thi công dự án hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 4 tỉnh ven biển, Bắc Trung Bộ” và “ thay thế sửa chữa máy móc thiết bị phục vụ Sản xuất tại Chi nhánh Yên Định
17	16/QĐ-HĐQT	26/03/2025	Quyết định chuyển giao chức năng nhiệm vụ Ban quản lý dự án xây dựng tuyến ống truyền tải số 3 sang Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng
18	17/QĐ-HĐQT	26/03/2025	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư bổ sung nguồn cung cấp nước một số khu vực xã Quảng Cát, Quảng Minh – CN cấp nước Sầm Sơn và Xây bếp ăn, sửa phòng làm việc tại CN Triệu Sơn
19	18/QĐ-HĐQT	10/04/2025	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư “Thay thế sửa chữa trạm biến áp” CN Bim Sơn; Di chuyển tuyến ống cấp nước bị ảnh hưởng do thi công mở rộng đường giao thông tại xã Hoàng Cát, huyện Hoàng Hoá và xã Tế



			Nông, huyện Nông Cống
20	18A/QĐ-HĐQT	11/04/2025	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Di chuyển tuyến ống cấp nước D280 phục vụ thi công dự án nâng cấp cải tạo đường (đoạn từ QL47 đến đường Quảng Minh 1) TP Sầm Sơn
21	19/QĐ-HĐQT	15/04/2025	Nghị quyết V/v chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
22	20/QĐ-HĐQT	24/04/2025	Quyết định chấm dứt hiệu lực MST (Ban quản lý dự án phát triển cấp nước Thanh Hoá)
23	21/QĐ-HĐQT	24/04/2025	Quyết định chấm dứt hiệu lực MST (Ban thực thi Dự án hợp phần cấp nước)
24	22/QĐ-HĐQT	29/04/2025	Quyết định giao quyền Tổng Giám đốc
25	23/QĐ-HĐQT	22/05/2025	Quyết định thành lập Hội đồng thống kê lập danh mục đo, đóng gói, niêm phong, bảo quản và giao nộp tài liệu lưu trữ
26	24/QĐ-HĐQT	23/05/2025	Quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
27	25/QĐ-HĐQT	23/05/2025	Quyết định thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
28	26/QĐ-HĐQT	23/05/2025	Quyết định thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
29	27/TTr-HĐQT	23/05/2025	Tờ trình thông qua Báo cáo Tài chính năm 2024 đã được kiểm toán
30	28/TTr-HĐQT	23/05/2025	Tờ trình phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2024, dự kiến tỷ lệ cổ tức năm 2025
31	29/TTr-HĐQT	23/05/2025	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025
32	30/TTr-HĐQT	23/05/2025	Tờ trình thông qua mức chi trả tiền lương, tiền thưởng, thù lao HĐQT, BKS năm 2025
33	31/TTr-HĐQT	23/05/2025	Tờ trình thông qua sửa đổi Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hoá
34	32/TTr-HĐQT	23/05/2025	Tờ trình đề án nhân sự HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025 - 2030
35	33/QĐ-HĐQT	23/05/2025	Quyết định giải thể chi nhánh nước uống tinh khiết
36	34/QĐ-HĐQT	03/06/2025	Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá và thu hồi đường điện 38KW cấp điện trạm bơm tăng áp Quảng Hưng



37	35/QĐ-HĐQT	13/06/2025	Quyết định giải thể chi nhánh Cấp nước Thành phố Thanh Hoá
38	36/QĐ-HĐQT	13/06/2025	Quyết định phê duyệt chủ trương: Lắp đặt máy bơm tăng áp cấp nước cho các xã phí Nam CN cấp nước Quảng Xương
39	37/QĐ-HĐQT	13/06/2025	Quyết định phê duyệt chủ trương: Lập đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Công ty CP cấp nước Thanh Hoá - 99 Mật Sơn, P.Đông Vệ
40	38/NQ-HĐQT	16/06/2025	Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
41	01/NQ-HĐQT	16/06/2025	Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hoá
42	39/QĐ-HĐQT	16/06/2025	Quyết định Ban hành Điều lệ Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hoá
43	45/QĐ-HĐQT	18/06/2025	Quyết định phê duyệt quỹ lương kế hoạch của Ban điều hành và người lao động năm 2025
44	46/QĐ-HĐQT	18/06/2025	Quyết định phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025 của Chủ tịch HĐQT và Trưởng ban Kiểm soát
45	47/QĐ-HĐQT	24/06/2025	Quyết định miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với Ông Nguyễn Ngọc Cẩn
46	65/QĐ-HĐQT	30/06/2025	Quyết định bổ nhiệm Ông Lê Trung Hiếu giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty
47	66/QĐ-HĐQT	30/06/2025	Quyết định kéo dài thời gian giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với Ông Lê Sỹ Len
48	68/QĐ-HĐQT	30/06/2025	Quyết định Bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Nga giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty
49	68A/QĐ-HĐQT	10/07/2025	Quyết định v/v phê duyệt Lắp đặt bổ sung đường ống D800HDPE
50	69/QĐ-HĐQT	25/07/2025	Quyết định v/v hưởng chế độ hưu trí đối với Ông Lê Ngọc Đình – Phó Tổng Giám đốc
51	70/QĐ-HĐQT	25/07/2025	Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc
52	71/QĐ-HĐQT	07/08/2025	Quyết định v/v bổ nhiệm Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng đối với Ông Lê Duy Phiêu
53	72/QĐ-HĐQT	07/08/2025	Quyết định v/v phê duyệt bổ sung nhà thầu phụ thực hiện gói thầu số 02: Thi công Xây dựng và lắp đặt thiết bị thuộc dự án: Đầu tư hệ thống đường ống cấp nước sạch tại 03 xã Minh Sơn, Minh Tiến, Lam Sơn và các khu vực lân cận huyện Ngọc Lặc
54	73/QĐ-HĐQT	07/08/2025	Quy chế nội bộ về quản trị Công ty



55	74/QĐ-HĐQT	07/08/2025	Quy chế hoạt động của HĐQT công ty
56	75/QĐ-HĐQT	07/08/2025	Quyết định phân công nhiệm vụ trong HĐQT công ty nhiệm kỳ 2025-2030
57	83A/QĐ-HĐQT	20/08/2025	Quyết định chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Di chuyển, thay thế các tuyến ống đường 04 thôn Tứ Luyện; đường 04, đường 05 thôn Đảng Trung và đường ĐH.HH 18B Vinh Sơn – Xã Hoằng Hoá bị ảnh hưởng do thi công mở rộng đường và mương thoát xã Hoằng Hoá
58	83/QĐ-HĐQT	21/08/2025	Quyết định bổ nhiệm Ông Nguyễn Huy Trường giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc công ty từ ngày 22/08/2025
59	84/QĐ-HĐQT	21/08/2025	Quyết định điều chỉnh Kế hoạch SXKD năm 2025
60	85/QĐ-HĐQT	21/08/2025	Quyết định v/v ban hành quản lý quy chế quản lý tài chính
61	86/QĐ-HĐQT	21/08/2025	Quyết định bổ nhiệm ông Lê Văn Quý giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc công ty từ ngày 22/08/2025
62	87/QĐ-HĐQT	21/08/2025	Quyết định phê duyệt công trình lắp đặt, thay thế một số tuyến ống cấp nước bị ảnh hưởng do thi công nâng cấp tuyến đường quốc lộ 47 thị trấn Phong Sơn đi đường HCM và huyện Cẩm Thủy
63	88/QĐ-HĐQT	21/08/2025	Quyết định bổ nhiệm Ông Lê Sỹ Len giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc công ty từ ngày 22/08/2025
64	89/QĐ-HĐQT	21/08/2025	Quyết định bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Tân giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc công ty từ ngày 22/08/2025
65	90/QĐ-HĐQT	26/08/2025	Quyết định v/v ban hành quy chế thi đua, khen thưởng của Công ty CP cấp nước Thanh Hoá
66	91/QĐ-HĐQT	26/08/2025	Quyết định v/v ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc
67	92/QĐ-HĐQT	27/08/2025	Quyết định v/v ban hành quy chế tuyển dụng lao động của Công ty CP cấp nước Thanh Hoá
68	93/QĐ-HĐQT	27/08/2025	Quyết định v/v ban hành quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm, cách chức cán bộ chủ chốt của Công ty CP cấp nước Thanh Hoá
69	94/QĐ-HĐQT	27/08/2025	Quyết định v/v ban hành quy chế quản lý vật tư, thiết bị
70	95/QĐ-HĐQT	03/09/2025	Quyết định v/v kiện toàn bộ máy Hội đồng thi đua khen thưởng của Công ty
71	96/QĐ-HĐQT	03/09/2025	Quyết định v/v kiện toàn Hội đồng định mức kinh tế kỹ thuật công ty
72	97/QĐ-HĐQT	03/09/2025	Quyết định v/v kiện toàn Hội đồng nâng lương, nâng bậc công ty



73	98/QĐ-HĐQT	03/09/2025	Quyết định v/v kiện toàn Hội đồng kỷ luật công ty
74	99/QĐ-HĐQT	03/09/2025	Quyết định kiện toàn Hội đồng Cổng thoát thất thu nước Công ty
75	100/QĐ-HĐQT	03/09/2025	Quyết định kiện toàn Ban chỉ huy Phòng chống chữa cháy cứu nạn cứu hộ và phòng ngừa, ứng phó sự cố hoá chất Công ty
76	101/QĐ-HĐQT	03/09/2025	Quyết định v/v kiện toàn ban chỉ đạo Công đoàn cơ sở Công ty
77	102/QĐ-HĐQT	03/09/2025	Quyết định v/v kiện toàn Ban chỉ huy phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự công ty
78	103/QĐ-HĐQT	09/09/2025	Quyết định v/v bổ nhiệm Ông Doãn Quốc Đạt giữ chức Người phụ trách quản trị Công ty
79	104/QĐ-HĐQT	11/09/2025	Quyết định v/v thành lập Hội đồng thanh lý, tiêu huỷ tài sản vật tư, công cụ dụng cụ hành chính
80	104A/QĐ-HĐQT	17/09/2025	Quyết định phê duyệt điều chỉnh Tổng mức đầu tư xây dựng công trình xây dựng mái che khu vực bể lọc nhà máy nước Mật Sơn
81	105A/QĐ-HĐQT	18/09/2025	Quyết định v/v phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị và trưởng ban Kiểm soát
82	106/QĐ-HĐQT	18/09/2025	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư xây dựng công trình: Thay thế bơm cấp I, bổ sung tấm lắng Lamén nâng cao năng lực cấp nước trạm Nguyên Bình
83	107/QĐ-HĐQT	18/09/2025	Quyết định về việc ban hành quy chế quản lý kỹ thuật
84	107A/QĐ-HĐQT	19/09/2025	Quyết định về việc phê duyệt công trình cải tạo di chuyển, thay thế ống cấp nước bị ảnh hưởng
85	108/QĐ-HĐQT	22/09/2025	Quyết định v/v ban hành định mức sử dụng điện ánh sáng, điện sinh hoạt, hành chính tại các đơn vị trực thuộc công ty
86	108A/QĐ-HĐQT	22/09/2025	Quyết định ban hành quy chế quản lý lao động và tiền lương
87	109/QĐ-HĐQT	26/09/2025	Quyết định v/v kiện toàn ban đảm bảo an toàn cấp nước của Công ty
88	110/QĐ-HĐQT	14/10/2025	Quyết định v/v thành lập Tổ phản ứng nhanh trong sản xuất, cấp nước an toàn
89	111/QĐ-HĐQT	14/10/2025	Quyết định v/v phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Di chuyển tuyến ống cấp nước D90 HDPE dọc đường HCM đoạn KM547+630 – KM548+315 xã Ngọc Lặc



90	111A/QĐ-HĐQT	15/10/2025	Quyết định phê duyệt công trình xây dựng hệ thống tường lửa và bảo mật cho máy chủ và các phần mềm ứng dụng
91	112/QĐ-HĐQT	28/10/2025	Quyết định phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư xây dựng công trình: cải tạo một số hạng mục trong khuôn viên chi nhánh cấp nước Nông Cống
92	112A/QĐ-HĐQT	28/10/2025	Quyết định phê duyệt công trình: Lắp đặt các van xả khí, máy bơm tăng áp và nâng cấp máy bơm cấp nước lên bể chứa trên đài chi nhánh cấp nước Sầm Sơn
93	113/QĐ-HĐQT	03/11/2025	Quyết định ban hành quy chế nâng lương, chuyển ngạch lương, thi nâng bậc của công ty
94	114/QĐ-HĐQT	03/11/2025	Quyết định về việc cử cán bộ nhân viên đi học tập kinh nghiệm và tham gia hội thảo – hội thảo câu lạc bộ các công ty cấp nước Bắc Trung Bộ mở rộng năm 2025 tại công ty cổ phần cấp nước Quảng Trị
95	114A/QĐ-HĐQT	05/11/2025	Quyết định phê duyệt điều chỉnh mức đầu tư công trình: Xây mới sân phơi, chứa cát lọc và chụp lọc, bổ sung cát lọc nhà máy nước Quảng Thịnh
96	115/QĐ-HĐQT	07/11/2025	Quyết định về việc cử cán bộ nhân viên công ty tham gia tập huấn về công tác chuyển đổi số trong doanh nghiệp
97	116/QĐ	10/11/2025	Quyết định về việc xử lý kỷ luật lao động với ông Lê Văn Lục
98	117A/QĐ-HĐQT	17/11/2025	Quyết định v/v thành lập Hội đồng đánh giá, công nhận “Công dân học tập” của công ty
99	117B/QĐ-HĐQT	17/11/2025	Quyết định phê duyệt Công trình: Di chuyển, thay thế tuyến ống cấp nước phục vụ nâng cấp, mở rộng đường Võ Nguyên Giáp đoạn ngã Ba Voi đi Sầm Sơn
100	118/QĐ-HĐQT	19/11/2025	Quyết định phê duyệt tổng mức đầu tư xây dựng công trình: xây dựng trạm biến áp nhà máy nước Mật Sơn, công suất 1600 KVA và sửa chữa cải tạo nhà làm việc công ty cấp nước Sầm Sơn
101	119/QĐ-HĐQT	19/11/2025	Quyết định v/v ban hành quy chế quản lý nợ
102	120/QĐ-HĐQT	02/12/2025	Quyết định thành lập Hội đồng thi chuyển ngạch lương chuyên viên chính, kỹ sư của công ty
103	121/QĐ-HĐQT	24/12/2025	Quyết định thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản
104	122/QĐ-HĐQT	29/12/2025	Quyết định phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026
105	123/QĐ-HĐQT	29/12/2025	Quyết định phê duyệt kế hoạch đầu tư, sửa chữa cải tạo năm 2026



106	123A/QĐ-HĐQT	29/12/2025	Nghị quyết Hội đồng quản trị
107	124/QĐ-HĐQT	30/12/2025	Quyết định phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động năm 2026

- Các Nghị quyết được thông qua đều được Hội đồng quản trị giao cho Ban Tổng giám đốc triển khai thực hiện và báo cáo Hội đồng quản trị. Trong các trường hợp khác, các Quyết định của Hội đồng quản trị được lập thành Nghị quyết và giao cho các đơn vị, cá nhân có trách nhiệm liên quan thực hiện.

- Các Nghị quyết HĐQT đã ban hành tập trung vào việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh - tài chính công ty, điều chỉnh kịp thời danh mục các dự án xây dựng cơ bản về phát triển, sửa chữa cải tạo mạng lưới cấp nước cho phù hợp với tình hình thực tế, thông qua các vấn đề về tiền lương người lao động gắn với yêu cầu nâng cao năng suất lao động.

d) Hoạt động của các Thành viên HĐQT:

- Tất cả các thành viên tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, đóng góp ý kiến xác thực và đồng thuận cao theo thẩm quyền và yêu cầu làm việc của HĐQT về định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh để phát triển công ty.

- Hoạt động của các thành viên HĐQT Công ty đều theo đúng Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT. Chủ tịch HĐQT và các thành viên được phân công đã thường xuyên, giám sát, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện nội dung đã được HĐQT thông qua tại các cuộc họp HĐQT, các Nghị quyết đã được ban hành. Hoạt động của Hội đồng quản trị độc lập;

- Việc Công bố thông tin theo quy định cũng đã được Chủ tịch HĐQT đôn đốc, nhắc nhở và kiểm tra thường xuyên, đảm bảo các thông tin được công bố đúng thời hạn, chính xác, đầy đủ.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đạo tạo về quản trị công ty: Không

Theo uỷ quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã chọn đơn vị kiểm toán cho Báo cáo Tài chính năm 2025 (bao gồm cả báo cáo soát xét Báo cáo Tài chính giữa niên độ) là Công ty TNHH kiểm toán quốc tế. Hiện Báo cáo đã được kiểm toán xong và đã gửi cho các cơ quan chức năng.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Thành viên Ban kiểm soát của công ty gồm có: 03 người

- Ông: Vũ Văn Hà - Trưởng Ban, nắm giữ 6.000 cổ phần = 0,018% , tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

- Bà Trịnh Thị Huyền - Thành viên , nắm giữ 6.200 cổ phần = 0,018%, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

- Bà: Mai Thanh Thương - Thành viên, không nắm giữ cổ phần = 0,00%, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:



Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa, tổ chức ngày 16/6/2025 bầu Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025 - 2030 gồm 03 thành viên. Ban kiểm soát đã bầu Trưởng Ban Kiểm soát và phân công nhiệm vụ, như sau:

- | | |
|-----------------------|---------------|
| - Ông Vũ Văn Hà | - Trưởng Ban |
| - Bà Trịnh Thị Huyền | - Thành viên |
| - Bà Mai Thanh Thương | - Thành viên. |

Trưởng Ban kiểm soát làm việc theo chế độ chuyên trách, chịu trách nhiệm chính trong vấn đề kiểm tra, giám sát; các thành viên còn lại làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, chịu trách nhiệm trực tiếp trong phạm vi nhiệm vụ được phân công.

Ban Kiểm soát đã Xây dựng Kế hoạch công tác năm 2025 và triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm theo kế hoạch đề ra. Định kỳ, hàng quý Ban Kiểm soát tổ chức các cuộc họp để báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, lấy ý kiến thông qua kết quả kiểm tra, giám sát, đồng thời tiếp tục triển khai nhiệm vụ quý tới.

Thực hiện chức năng giám sát, Ban Kiểm soát đã tham dự tất cả các cuộc họp giao ban hàng tháng do Tổng Giám đốc Công ty chủ trì và một số cuộc họp của Hội đồng quản trị và của Công ty để theo dõi, nắm bắt việc quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và tình hình hoạt động SXKD của Công ty.

Các Nghị quyết, Quyết định, Biên bản họp của Hội đồng quản trị; các Báo cáo của Tổng Giám đốc và tài liệu Công ty phát hành đều được gửi đến cho Ban Kiểm soát đầy đủ, cùng thời điểm, theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Các cán bộ quản lý Công ty luôn tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát được tiếp cận hồ sơ, tài liệu và tôn trọng quyền kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của Ban Kiểm soát.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát không gây cản trở đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các thành viên trong Ban luôn tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông để thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty.

Năm 2025, Ban Kiểm soát không nhận được một yêu cầu nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu kiểm tra các vấn đề liên quan đến công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

a) Lương, thưởng, thù lao các lợi ích khác của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng: (Chi tiết tại trang 74 của báo cáo)

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Căn cứ Luật doanh nghiệp, và các thông tư, nghị định hướng dẫn của Nhà nước, công ty đã kịp thời ban hành các Nội quy, quy chế, và các định mức quản lý nội bộ để áp dụng cho phù hợp với mô hình công ty cổ phần, đồng thời triển khai tổ chức triển khai đến toàn thể các phòng ban, đơn vị và người lao động trong toàn công ty để thực hiện. Kết quả trong năm qua công ty đã thực hiện tốt các quy định về công tác quản trị theo đúng quy định của pháp luật.

**VI. Báo cáo tài chính:****1. Ý kiến kiểm toán:**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

(Bao gồm 4 mẫu: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh báo cáo tài chính)



2.1. Bảng cân đối kế toán

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC THANH HÓA
Số 99 Mật Sơn - P. Đông Vệ - TP Thanh Hóa

Mẫu số B01-DN
Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		62.079.687.036	96.516.546.779
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	15.299.239.766	45.366.481.134
1. Tiền	111		2.060.098.909	2.653.134.818
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.239.140.857	42.713.346.316
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		600.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		600.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		29.091.107.731	27.537.099.565
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	24.981.628.611	27.680.797.147
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		12.067.922.780	582.952.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	11.635.240.390	22.161.382.353
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4	(19.593.684.050)	(22.888.031.935)
IV. Hàng tồn kho	140		15.571.129.999	19.634.617.582
1. Hàng tồn kho	141	V.5	17.987.857.818	22.051.345.401
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.416.727.819)	(2.416.727.819)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.518.209.540	3.978.348.498
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.439.436.227	221.653.344
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà	153	V.11a	78.773.313	3.756.695.154
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		653.028.200.542	596.097.837.043
I. Tài sản cố định	220		538.270.891.798	559.065.563.047
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	537.807.475.136	558.682.296.365
- Nguyên giá	222		1.529.787.438.194	1.494.561.551.741
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(991.979.963.058)	(935.879.255.376)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	463.416.662	383.266.682
- Nguyên giá	228		1.160.121.550	952.621.550
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(696.704.888)	(569.354.868)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		86.275.317.900	19.634.749.851
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	86.275.317.900	19.634.749.851
III. Tài sản dài hạn khác	260		28.481.990.844	17.397.524.145
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	28.481.990.844	17.397.524.145
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		715.107.887.578	692.614.383.822



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		277.770.931.568	265.396.043.581
I. Nợ ngắn hạn	310		146.761.873.088	140.096.143.059
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	48.392.997.043	36.329.619.951
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		499.629.804	347.830.071
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11b	4.249.871.039	2.455.519.713
4. Phải trả người lao động	314		25.851.089.840	19.535.863.013
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12a	8.079.514.558	11.686.629.950
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	29.581.774.754	41.935.705.297
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	21.836.658.000	21.836.658.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.270.338.050	5.968.317.064
II. Nợ dài hạn	330		131.009.058.480	125.299.900.522
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.12b	2.024.000.000	2.418.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	128.985.058.480	122.881.900.522
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		437.336.956.010	427.218.340.241
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	437.336.956.010	427.218.340.241
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		329.954.110.000	329.954.110.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		329.954.110.000	329.954.110.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		44.439.280.112	35.117.230.089
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		62.943.565.898	62.147.000.152
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	
- LNST chưa phân phối của năm nay	421b		62.943.565.898	62.147.000.152
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		715.107.887.578	692.614.383.822



2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC THANH HÓA
Số 99 Mật Sơn - P. Đông Vệ - TP Thanh Hóa

Mẫu số B02-DN
Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	475.000.083.940	456.084.144.257
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		475.000.083.940	456.084.144.257
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	320.307.710.167	313.566.204.501
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		154.692.373.773	142.517.939.756
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.561.184.245	1.304.215.763
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8.291.920.152	9.822.802.508
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.291.920.152	9.822.802.508
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5a	44.478.561.720	39.072.858.488
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5b	33.811.731.442	27.132.841.938
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		69.671.344.704	67.793.652.585
11. Thu nhập khác	31	VI.6	686.567.665	11.297.318.283
12. Chi phí khác	32		211.413.197	9.590.789.377
13. Lợi nhuận khác	40		475.154.468	1.706.528.906
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		70.146.499.172	69.500.181.491
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	7.202.933.274	7.353.181.339
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh	60		62.943.565.898	62.147.000.152
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.621	1.601
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	1.621	1.601



2.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC THANH HÓA
Số 99 Mặt Sơn - P. Đông Vệ - TP Thanh Hóa

Mẫu số B03-DN
Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu	01	531.731.812.079	513.763.287.527
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(233.646.681.941)	(213.975.362.591)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(114.789.634.509)	(107.013.769.700)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(8.904.904.858)	(10.039.019.738)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(2.200.000.000)	(13.406.629.987)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	7.081.221.298	8.342.147.857
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(69.271.049.862)	(73.594.893.724)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	110.000.762.207	104.075.759.644
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(103.706.347.575)	(72.555.238.643)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(600.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	1.772.344.587
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.638.086.148	1.442.185.837
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(102.668.261.427)	(69.340.708.219)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	72.442.762.358	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(66.339.604.400)	(23.974.703.952)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(43.502.900.106)	(33.298.234.942)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(37.399.742.148)	(57.272.938.894)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(30.067.241.368)	(22.537.887.469)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	45.366.481.134	67.904.368.603
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	15.299.239.766	45.366.481.134



CÔNG TY CP CẤP NƯỚC THANH HÓA
Số 99 Mật Sơn - P. Đông Vệ - TP Thanh Hóa

Mẫu số B09-DN
Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Thanh Hóa (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH MTV Cấp nước Thanh Hóa, được thành lập theo quyết định số 2039/QĐ-CT ngày 29 tháng 07 năm 2005 của UBND tỉnh Thanh Hóa và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2604000004 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 03 tháng 10 năm 2005.

Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2800219549 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 27 tháng 5 năm 2016 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 9 ngày 23 tháng 06 năm 2025. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty là 329.954.110.000 đồng tương ứng với 32.995.411 cổ phần phổ thông, mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác, sản xuất kinh doanh nước sạch các đô thị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, quản lý các dự án phát triển cấp nước, các hệ thống cấp nước đô thị;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá, chi tiết: Sản xuất nước sạch;
- Sản xuất, kinh doanh nước lọc tinh khiết và các sản phẩm từ nước lọc tinh khiết. Kinh doanh nước sạch, tổng thầu thực hiện các dự án cấp thoát nước theo hình thức chìa khóa trao tay. Thiết kế, chế tạo, sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu máy móc, vật tư thiết bị công nghệ chuyên ngành cấp thoát nước và vệ sinh môi trường. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực cấp thoát nước và vệ sinh môi trường.

Hoạt động chính của Công ty là Sản xuất, kinh doanh nước sạch và thi công lắp đặt công nghệ và đường ống cấp nước.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

4. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

5. Nhân viên



Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 873 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 873 người).

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở đặt tại số 99 đường Mật Sơn, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

Thông tin chi tiết về các chi nhánh của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Tên chi nhánh	Nơi hoạt động	Hoạt động chính
Chi nhánh cấp nước Nam Thành phố	Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa	Cung cấp nước sạch; thi công xây dựng
Chi nhánh cấp nước Bắc Thành phố	Phường Hàm Rồng, Tỉnh Thanh Hóa	Cung cấp nước sạch; thi công xây dựng
Chi nhánh cấp nước Sầm Sơn	Phường Sầm Sơn, Tỉnh Thanh Hóa	Cung cấp nước sạch; thi công xây dựng
Chi nhánh cấp nước Quảng Xương	Phường Quảng Phú, Tỉnh Thanh Hóa	Cung cấp nước sạch; thi công xây dựng
Chi nhánh cấp nước Đông Sơn	Phường Đông Tiến, Tỉnh Thanh Hóa	Cung cấp nước sạch; thi công xây dựng
Chi nhánh cấp nước Bỉm Sơn	Phường Quang Trung, Tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất, cung cấp nước sạch; thi công xây dựng
Chi nhánh cấp nước Hoằng Hóa	Xã Hoằng Hóa, Tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất, cung cấp nước sạch; thi công xây dựng
Chi nhánh cấp nước Nghi Sơn	Phường Đào Duy Từ, Tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất, cung cấp nước sạch; thi công xây dựng
Chi nhánh cấp nước Nông Cống	Xã Nông Cống, Tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất, cung cấp nước sạch; thi công xây dựng
Chi nhánh cấp nước Triệu Sơn	Xã Triệu Sơn, Tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất, cung cấp nước sạch; thi công xây dựng
Chi nhánh cấp nước Ngọc Lặc	Xã Ngọc Lặc, Tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất, cung cấp nước sạch; thi công xây dựng
Chi nhánh cấp nước Cẩm Thủy	Xã Cẩm Thủy, Tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất, cung cấp nước sạch; thi công xây dựng
Chi nhánh cấp nước Thạch Thành	Xã Kim Tân, Tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất, cung cấp nước sạch; thi công xây dựng
Chi nhánh cấp nước Yên Định	Xã Định Tân, Tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất, cung cấp nước sạch; thi công xây dựng
Chi nhánh sản xuất nước thành phố	Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất nước sạch, thi công xây dựng
Chi nhánh xây lắp	Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa	Thi công xây lắp công trình
Chi nhánh Đồng hồ	Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa	Bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định đồng hồ
Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng	Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa	Tư vấn thiết kế, giám sát, quản lý xây dựng các công trình xây
Chi nhánh khách sạn sông Mã	Phường Sầm Sơn, Tỉnh Thanh Hóa	Nhà quản lý kiêm kinh doanh dịch vụ khách sạn



II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN TOÁN ÁP DỤNG

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn). Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo



hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên) hoặc căn cứ vào mức tổn thất có thể xảy ra theo đánh giá của Công ty. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm tài chính. Khi các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo



phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 10

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của đơn vị bao gồm phần mềm quản lý, nhãn hiệu hàng hóa. Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc và được trình bày theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao ước tính 5 năm.



Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:



- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.



Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Từ năm 2024, Công ty xác định đáp ứng loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa lĩnh vực môi trường theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg, Quyết định số 693/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, phần thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện lĩnh vực xã hội hóa hoạt động cung cấp nước sạch được áp dụng thuế suất ưu đãi 10%.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	440.829.700	337.015.000
Tiền gửi ngân hàng	1.619.269.209	2.316.119.818
Các khoản tương đương tiền (*)	13.239.140.857	42.713.346.316
Cộng	15.299.239.766	45.366.481.134

(*) Gồm các hợp đồng tiền gửi tại các Ngân hàng có kỳ hạn không quá 03 tháng.



2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
UBND Xã Định Hòa	3.888.054.000	5.469.488.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bạch Đằng 16	3.379.441.088	3.379.441.088
Công ty TNHH XD công nghiệp OLYMPIA	3.063.273.175	2.807.045.137
UBND Xã Thiệu Khánh	1.681.868.500	2.167.078.700
Công Ty CP Thảo Trung	1.415.642.556	1.415.642.556
UBND Xã Thiệu Vân - TPTH (8 thôn)	1.281.969.500	1.738.013.700
Các đối tượng khác	10.271.379.792	10.704.087.966
Cộng	24.981.628.611	27.680.797.147

3. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng	36.000.000	46.000.000
Lãi tiết kiệm dự thu	14.791.342	91.693.245
Phải thu UBND tỉnh Thanh Hóa về thoái vốn Nhà nước	711.449.636	711.449.636
Phải thu ngắn hạn khác	10.872.999.412	21.312.239.472
Cộng	11.635.240.390	22.161.382.353



4. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
UBND Xã Định Hòa	3.888.054.000	-	(3.888.054.000)	5.469.488.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bạch Đằng 16	3.379.441.088	-	(3.379.441.088)	3.379.441.088
UBND Xã Thiệu Khánh	1.681.868.500	-	(1.681.868.500)	1.951.312.700
Công ty CP Thảo Trung	1.415.642.556	-	(1.415.642.556)	1.415.642.556
UBND Xã Định Tân	1.270.810.000	-	(1.270.810.000)	1.794.831.000
UBND Xã Thiệu Vân (8 thôn)	1.281.969.500	-	(1.281.969.500)	1.583.688.700
Các đối tượng khác	7.134.246.606	458.348.200	(6.675.898.406)	7.311.957.891
Cộng	20.052.032.250	458.348.200	(19.593.684.050)	22.906.361.935
				18.330.000
				(22.888.031.935)

5. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	16.952.965.136	(2.283.178.030)	18.710.449.870	(2.283.178.030)
Công cụ, dụng cụ	539.687.966	(133.549.789)	2.270.911.119	(133.549.789)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	495.204.716	-	1.069.984.412	-
Cộng	17.987.857.818	(2.416.727.819)	22.051.345.401	(2.416.727.819)



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	372.421.010.967	205.761.557.944	913.023.161.571	3.355.821.259	1.494.561.551.741
Mua trong năm	-	-	-	194.890.000	194.890.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.427.272.723	14.896.904.188	18.359.212.615	-	36.683.389.526
Giảm khác	-	(20.000.000)	-	-	(20.000.000)
Thanh lý, nhượng bán	-	(890.563.073)	-	(741.830.000)	(1.632.393.073)
Số dư cuối năm	375.848.283.690	219.747.899.059	931.382.374.186	2.808.881.259	1.529.787.438.194
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	240.894.936.407	146.863.275.733	545.330.140.901	2.790.902.335	935.879.255.376
Khấu hao trong năm	13.848.550.061	16.652.094.556	26.913.871.072	223.555.051	57.638.070.740
Thanh lý, nhượng bán	-	(851.403.049)	-	(685.626.675)	(1.537.029.724)
Giảm khác	-	(333.334)	-	-	(333.334)
Số dư cuối năm	254.743.486.468	162.663.633.906	572.244.011.973	2.328.830.711	991.979.963.058
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	131.526.074.560	58.898.282.211	367.693.020.670	564.918.924	558.682.296.365
Số dư cuối năm	121.104.797.222	57.084.265.153	359.138.362.213	480.050.548	537.807.475.136

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình nhận bàn giao và phần đối ứng vốn ngân sách của nhà nước chưa được ghi tăng vốn là 29.136.976.800 đồng (xem chi tiết tại thuyết minh số V.14 - Phải trả khác ngắn hạn khác và V.15 - Vay và nợ thuê tài chính).

Nguyên giá của TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 497.726.331.510 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 485.781.684.218 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay là 181.417.081.624 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 202.857.064.366 đồng).



7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phản mềm quản lý VND	Giấy phép nhượng quyền VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	893.953.550	58.668.000	952.621.550
Mua trong năm	187.500.000	-	187.500.000
Tăng khác	20.000.000	-	20.000.000
Số dư cuối năm	1.101.453.550	58.668.000	1.160.121.550
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	510.686.868	58.668.000	569.354.868
Khấu hao trong năm	127.016.686	-	127.016.686
Tăng khác	333.334	-	333.334
Số dư cuối năm	638.036.888	58.668.000	696.704.888
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	383.266.682	-	383.266.682
Số dư cuối năm	463.416.662	-	463.416.662

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 572.621.550 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 414.621.550 đồng).

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cải tạo NCS NMN Mật Sơn 70.000m3/ngđ	25.818.105.675	3.544.627.557
Cải tạo, nâng cấp đường ống và lắp đặt lọc thay thế chụp lọc NMN Mật Sơn	7.952.013.228	-
Đầu tư tuyến D400-315 từ Hoàng Văn Thụ đến Cầu Cao	5.068.806.443	-
Các công trình khác	47.436.392.554	16.090.122.294
Cộng	86.275.317.900	19.634.749.851

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đồng hồ, rắc co đồng hồ, máy móc thiết bị khác	9.319.038.780	11.628.427.871
Công cụ, dụng cụ và các loại khác	19.162.952.064	5.769.096.274
Cộng	28.481.990.844	17.397.524.145



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ban quản lý dự án phát triển toàn diện KTXH-HP2 (*)	13.405.472.377	13.405.472.377	13.405.472.377	13.405.472.377
Công ty CP Cúc Phương	2.322.535.540	2.322.535.540	2.374.061.740	2.374.061.740
Công ty CP cơ điện kỹ thuật Đồng Dương	2.823.345.536	2.823.345.536	-	-
Công ty CP dịch vụ thương mại và phát triển xây dựng Minh Đức	2.326.651.000	2.326.651.000	-	-
Công ty CP DNP HAWACO	3.359.400.000	3.359.400.000	2.603.880.000	2.603.880.000
Công ty CP cơ điện tử Minh Khang	1.940.638.000	1.940.638.000	-	-
Công ty TNHH MTV Sông Chu	1.378.655.325	1.378.655.325	1.231.036.565	1.231.036.565
Các đối tượng khác	20.836.299.265	20.836.299.265	16.715.169.269	16.715.169.269
Cộng	48.392.997.043	48.392.997.043	36.329.619.951	36.329.619.951

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số phải nộp trong năm	Giá trị	Số đã thực nộp/bù trừ trong năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	6.407.676	7.383.364.664	7.322.457.756	67.314.584
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	5.485.793.246	2.200.000.000	3.285.793.246
Thuế thu nhập cá nhân	72.365.637	1.608.741.253	1.277.519.566	403.587.324
Cộng	78.773.313	14.477.899.163	10.799.977.322	3.756.695.154
b. Các khoản phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.717.140.028	1.717.140.028	-	-
Thuế tài nguyên	109.556.610	1.506.829.440	1.515.571.670	118.298.840
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	310.087.377	310.087.377	-
Phí BVMT đối với nước thải	2.423.174.401	30.964.120.698	30.877.789.187	2.336.842.890
Các loại thuế, phí phải nộp khác	-	778.706.042	779.084.025	377.983
Cộng	4.249.871.039	35.276.883.585	33.482.532.259	2.455.519.713



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Chi phí phải trả ngắn hạn		
Lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thanh Hóa (dự án nâng công suất nhà máy nước Hàm Rồng 35.000 m ³)	370.154.725	1.102.569.022
Lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thanh Hóa (dự án tuyến ống số 2 Thanh Hóa - Sầm Sơn)	203.604.534	203.604.534
Lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thanh Hóa (dự án nhà máy nước Quảng Xương)	224.980.891	224.980.891
Lãi vay phải trả - Ngân hàng phát triển Việt Nam (dự án phát triển toàn diện KTXH)	4.791.154.665	4.277.725.074
Trích trước chi phí GPMB di dời đường ống nước	2.489.619.743	5.877.750.429
Cộng	8.079.514.558	11.686.629.950
b. Chi phí phải trả dài hạn		
Lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thanh Hóa (dự án nâng công suất nhà máy nước Hàm Rồng 35.000 m ³)	464.000.000	638.000.000
Lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thanh Hóa (dự án tuyến ống số 2 Thanh Hóa - Sầm Sơn)	360.000.000	420.000.000
Lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thanh Hóa (dự án nhà máy nước Quảng Xương)	1.200.000.000	1.360.000.000
Cộng	2.024.000.000	2.418.000.000

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bảo hiểm xã hội	-	46.234.933
Kinh phí công đoàn	11.970.668	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	29.569.804.086	41.889.470.364
<i>Trong đó:</i>		
- Vốn đối ứng Ngân sách cấp phải trả Nhà nước (DA 6 huyện - WB) (i)	2.317.382.800	2.317.382.800
- Cảng cá Lạch Bạng (ii)	1.408.500.000	1.408.500.000
- Trung tâm phát triển Quỹ đất Thanh Hóa (iii)	17.783.599.000	17.783.599.000
- Các đối tượng khác	8.060.322.286	20.379.988.564
Cộng	29.581.774.754	41.935.705.297



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC (TIẾP THEO)

- (i) Đây là giá trị tài sản mà Công ty nhận bàn giao từ Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định số 423/QĐ-UBND năm 2014 về việc: Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư XDCB hoàn thành tiểu dự án: Tuyển cạnh tranh giai đoạn 2, tỉnh Thanh Hóa thuộc dự án Phát triển cấp nước Đô thị Việt Nam. Theo đó, Công ty Cổ phần Cấp nước Thanh Hóa thực hiện quản lý và khai thác sử dụng các tài sản này.

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã được ghi nhận tương ứng với việc chưa được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu nhà nước tại Công ty là 2.317.382.800 đồng; giá trị hao mòn lũy kế là 1.386.033.220 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 nguyên giá và hao mòn lũy kế lần lượt là 2.317.382.800 đồng và 1.314.473.517 đồng).

- (ii) Đây là giá trị tài sản bàn giao cho Công ty Cổ phần Cấp nước Thanh Hóa theo Quyết định số 1517/QĐ-UBND ngày 26 tháng 04 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa V/v: Phê duyệt giá trị còn lại của Hệ thống cấp nước sinh hoạt Cảng cá Lạch Bạng điều chuyển từ Ban quản lý Cảng cá Lạch Bạng sang Công ty Cổ phần Cấp nước Thanh Hóa quản lý, sử dụng.

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025, tài sản cố định hữu hình nhận bàn giao nêu trên có nguyên giá 1.408.500.000 đồng; giá trị hao mòn lũy kế là 870.494.041 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 nguyên giá và hao mòn lũy kế lần lượt là 1.408.500.000 đồng và 754.528.993 đồng).

- (iii) Công ty đã nhận bàn giao tài sản từ Trung tâm phát triển Quỹ đất Thanh Hóa chi tiết như sau:

- Theo Quyết định số 4211/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa V/v: Giao tài sản là kết quả của quá trình thực hiện các dự án hạ tầng kỹ thuật khu dân cư do Trung tâm phát triển quỹ đất Thanh Hóa là chủ đầu tư cho các đơn vị quản lý và sử dụng, Công ty đã nhận bàn giao tài sản có giá trị là 11.325.213.000 đồng.
- Theo Quyết định số 4064 ngày 23 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc “Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành Dự án: Hạ tầng kỹ thuật Khu nhà ở và công viên cây xanh thuộc khu đô thị Nam thành phố Thanh Hóa do Trung tâm phát triển Quỹ đất Thanh Hóa là chủ đầu tư”, Công ty đã nhận bàn giao tài sản với giá trị là 6.458.386.000 đồng.

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025, tài sản cố định hữu hình nhận bàn giao nêu trên có nguyên giá là 17.783.599.000 đồng; giá trị hao mòn lũy kế là 6.576.776.592 đồng. (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 nguyên giá và hao mòn lũy kế lần lượt là 17.783.599.000 đồng và 5.391.203.328 đồng).

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	-	-	42.956.946.400	42.956.946.400	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	21.836.658.000	21.836.658.000	-	-	21.836.658.000	21.836.658.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Thanh Hóa (i)	5.657.650.000	5.657.650.000	-	-	5.657.650.000	5.657.650.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thanh Hóa (ii)	3.140.000.000	3.140.000.000	-	-	3.140.000.000	3.140.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Thanh Hóa (iii)	4.369.008.000	4.369.008.000	-	-	4.369.008.000	4.369.008.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thanh Hóa (iv)	3.270.000.000	3.270.000.000	-	-	3.270.000.000	3.270.000.000
Quỹ Đầu tư phát triển Thanh Hóa (v)	1.480.000.000	1.480.000.000	-	-	1.480.000.000	1.480.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thanh Hóa (vi)	3.920.000.000	3.920.000.000	-	-	3.920.000.000	3.920.000.000
Cộng	21.836.658.000	21.836.658.000	42.956.946.400	42.956.946.400	21.836.658.000	21.836.658.000



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
Vay dài hạn	150.821.716.480	150.821.716.480	29.485.815.958	23.382.658.000	144.718.558.522	144.718.558.522
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Thanh Hóa (i)	25.459.427.900	25.459.427.900	-	5.657.650.000	31.117.077.900	31.117.077.900
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thanh Hóa (ii)	12.790.939.000	12.790.939.000	-	4.710.000.000	17.500.939.000	17.500.939.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Thanh Hóa (iii)	26.214.038.623	26.214.038.623	-	4.369.008.000	30.583.046.623	30.583.046.623
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thanh Hóa (iv)	19.619.999.999	19.619.999.999	-	3.270.000.000	22.889.999.999	22.889.999.999
Quỹ Đầu tư phát triển Thanh Hóa (v)	2.184.000.000	2.184.000.000	-	1.456.000.000	3.640.000.000	3.640.000.000
Vốn Ngân sách tỉnh-Tuyến ống gang D400 G1P1 (vi)	7.627.495.000	7.627.495.000	-	-	7.627.495.000	7.627.495.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thanh Hóa (vii)	27.440.000.000	27.440.000.000	-	3.920.000.000	31.360.000.000	31.360.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thanh Hóa (viii)	29.485.815.958	29.485.815.958	29.485.815.958	-	-	-
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả được trình bày chi tiết ở V15a	21.836.658.000	21.836.658.000	-	-	21.836.658.000	21.836.658.000
Cộng	128.985.058.480	128.985.058.480	29.485.815.958	23.382.658.000	122.881.900.522	122.881.900.522

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- (i) Vay ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Thanh Hóa dự án tuyển cạnh tranh giai đoạn 2 tỉnh Thanh Hóa thuộc dự án Phát triển cấp nước đô thị Việt Nam theo khế ước nhận nợ khung vay vốn ODA số 401.V179.003 ngày 29 tháng 03 năm 2010, tổng số vốn vay là 96.180.053.900 đồng, thời gian vay 20 năm, ân hạn 3 năm, lãi suất 3%/năm đã gồm 0,2% phí quản lý. Trả nợ gốc và lãi làm 34 kỳ trong 17 năm kể từ ngày 01/12/2013. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình của Công ty (Thuyết minh V.6).
- (ii) Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa theo hợp đồng tín dụng số 8674973/2015.01/HĐTD ngày 12 tháng 02 năm 2015 để đầu tư dự án "Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước Hàm Rồng công suất 20.000 lên 35.000m³/ngđ". Thời hạn vay là 15 năm. Thời gian ân hạn là 10 tháng. Gốc vay được trả làm 29 kỳ kể từ ngày 12 tháng 01 năm 2016, mỗi kỳ được tính bằng 1 bán niên. Khoản vay này chịu lãi suất cố định từ 9,5% - 10,5% /năm trong 5 năm đầu tiên từ ngày 12 tháng 3 năm 2015, các năm tiếp theo lãi suất thả nổi. Lãi ân hạn trong thời gian xây dựng là 1.681.075.573 đồng. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình của Công ty (Thuyết minh V.6).
- (iii) Vay theo hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam với Công ty TNHH MTV Cấp nước Thanh Hóa (nay là Công ty Cổ phần Cấp nước Thanh Hóa) để đầu tư dự án Phát triển toàn diện - Kinh tế xã hội TP Thanh Hóa ngày 10 tháng 8 năm 2009. Hạn mức vay là 8.573.000 USD. Đồng tiền nhận nợ là đồng VNĐ. Thời hạn vay 20 năm, trong đó thời gian ân hạn là 6 năm. Gốc và lãi trả làm 28 kỳ trong 14 năm kể từ ngày 15 tháng 06 năm 2018. Lãi suất 3,83%/năm. Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình của Công ty (Thuyết minh V.6).
- (iv) Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa theo hợp đồng tín dụng số 8674973/2017.03/VCB ngày 24 tháng 02 năm 2017 với tổng số tiền vay tối đa là 50.000.000.000 đồng để đầu tư thực hiện Dự án "Trạm bơm tăng áp và tuyến ống truyền tải thứ 2 DN400 Thanh Hóa - Sầm Sơn". Lãi suất thả nổi. Thời hạn vay 15 năm. Gốc trả 30 kỳ trong 15 năm kể từ ngày 27 tháng 08 năm 2017. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình của Công ty (Thuyết minh V.6).
- (v) Vay Quỹ Đầu tư Phát triển Thanh Hóa theo HĐTD số 02/2017/HĐTD-QĐTPT ngày 20 tháng 04 năm 2017 và phụ lục hợp đồng số 02/2017/HĐTD-QĐTPT ngày 20 tháng 04 năm 2017 để đầu tư thực hiện Dự án "Trạm bơm tăng áp và tuyến ống truyền tải thứ 2



DN400 Thanh Hóa - Sầm Sơn". Thời hạn cho vay 10 năm, trong đó thời gian ân hạn là 6 tháng. Gốc trả trong 38 kỳ kể từ ngày 28/02/2018, mỗi kỳ thu nợ được tính bằng 01 quý. Lãi trả hàng tháng, lãi suất 7,5%/năm. Lãi quá hạn 150% lãi trong hạn. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình của Công ty (Thuyết minh V.6).

(vi) Đây là phần vốn đối ứng (vốn ngân sách) hợp phần 2 dự án phát triển toàn diện kinh tế - xã hội Thành phố Thanh Hóa. Các tài sản cố định hữu hình nhận bàn giao từ UBND tỉnh Thanh Hóa chưa được ghi tăng vốn chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có nguyên giá và hao mòn lũy kế lần lượt là 7.627.495.000 đồng và 3.032.075.906 đồng (tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 7.627.495.000 đồng và 2.655.408.776 đồng).

(vii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thanh Hóa theo HETD số 8674973/2017.04/VCB ngày 22/12/2017. Tổng số tiền cho vay tối đa là 55.000.000.000 đồng. Công ty vay để đầu tư thực hiện dự án "Xây dựng nhà máy nước Quảng Xương công suất 15.000m³/ngđ" do bên vay làm chủ đầu tư. Thời hạn vay là 15 năm. Gốc trả làm 30 kỳ kể từ ngày 28/12/2018. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình của Công ty (Thuyết minh V.6).

(viii) Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa theo hợp đồng tín dụng số 8674973/2024.01/HETD ngày 26 tháng 06 năm 2025 với tổng số tiền vay tối đa là 45.000.000.000 đồng để đầu tư dự án "Cải tạo dây chuyền công nghệ và nâng công suất nhà máy nước Mật Sơn từ 50.000 lên 70.000m³/ngđ giai đoạn 1". Thời hạn vay là 15 năm. Thời gian ân hạn là 12 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất cố định 6%/năm trong vòng 24 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, các năm tiếp theo lãi suất thả nổi. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai từ Dự án Cải tạo dây chuyền công nghệ và nâng công suất Nhà máy nước Mật Sơn.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	21.836.658.000	21.836.658.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	76.416.748.900	85.066.632.000
Sau năm năm	52.568.309.580	37.815.268.522
Cộng	150.821.716.480	144.718.558.522
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	21.836.658.000	21.836.658.000
Số phải trả sau 12 tháng	128.985.058.480	122.881.900.522

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	329.954.110.000	27.981.894.030	47.568.907.060	386.249.463.501
Lợi nhuận trong năm	-	-	62.147.000.152	62.147.000.152
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	7.135.336.059	(7.135.336.059)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(7.135.336.059)	(7.135.336.059)
Chia cổ tức	-	-	(33.298.234.942)	(33.298.234.942)
Số dư đầu năm nay	329.954.110.000	35.117.230.089	62.147.000.152	427.218.340.241
Lợi nhuận trong năm	-	-	62.943.565.898	62.943.565.898
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	9.322.050.023	(9.322.050.023)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(9.322.050.023)	(9.322.050.023)
Chia cổ tức (*)	-	-	(43.502.900.106)	(43.502.900.106)
Số dư cuối năm nay	329.954.110.000	44.439.280.112	62.943.565.898	437.336.956.010



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

- (*) Theo Nghị quyết số 38/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 06 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Cấp nước Thanh Hoá, lợi nhuận sau thuế năm 2024 được phân phối như sau: Quỹ khen thưởng, phúc lợi (15%): 9.322.050.023 đồng; Quỹ đầu tư phát triển (15%): 9.322.050.023 đồng; Số còn lại chia cổ tức: 43.502.990.106 đồng.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị
	%	VND	%	VND
UBND tỉnh Thanh Hóa	63,62%	209.923.710.000	63,62%	209.923.710.000
Ông Phạm Văn Tú	20,86%	68.835.000.000	20,86%	68.835.000.000
Các cổ đông khác	15,52%	51.195.400.000	15,52%	51.195.400.000
Cộng	100,00%	329.954.110.000	100,00%	329.954.110.000

c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	32.995.411	32.995.411
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	32.995.411	32.995.411
+ Cổ phiếu phổ thông	32.995.411	32.995.411
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	32.995.411	32.995.411
+ Cổ phiếu phổ thông	32.995.411	32.995.411
Mệnh giá: 10.000 đồng/ 1 cổ phiếu		



16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại Số 99 đường Mật Sơn, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Các xí nghiệp, đơn vị trực thuộc Công ty đều trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành ba bộ phận hoạt động là: bộ phận hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch; bộ phận xây lắp, tư vấn và bộ phận khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận sản xuất và cung cấp nước sạch: Sản xuất và cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa
- Bộ phận xây lắp, tư vấn: Xây dựng công trình theo hợp đồng xây dựng.
- Bộ phận khác: Phần phí bảo vệ môi trường được giữ lại

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Sản xuất và cung cấp nước sạch	Hoạt động xây lắp, tư vấn	Hoạt động khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	551.331.557.720	44.103.928.579	5.398.575.978	600.834.062.277
Tài sản không phân bổ	-	-	-	114.273.825.301
Tổng tài sản				<u>715.107.887.578</u>
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	209.318.228.081	29.581.774.754	-	238.900.002.835
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	38.870.928.733
Tổng nợ phải trả				<u>277.770.931.568</u>

Bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2025

	Sản xuất và cung cấp nước sạch	Hoạt động xây lắp, tư vấn	Hoạt động khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	575.172.689.766	50.604.593.442	5.908.454.322	631.685.737.530
Tài sản không phân bổ	-	-	-	60.928.646.292
Tổng tài sản				<u>692.614.383.822</u>
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	195.152.808.423	41.935.705.297	-	237.088.513.720
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	28.307.529.861
Tổng nợ phải trả				<u>265.396.043.581</u>

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)

Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Sản xuất và cung cấp nước sạch	Hoạt động xây lắp, tư vấn	Hoạt động khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	457.418.761.529	14.195.286.272	3.386.036.139	475.000.083.940
Tổng doanh thu	457.418.761.529	14.195.286.272	3.386.036.139	475.000.083.940
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	302.672.287.511	13.855.752.600	3.779.670.056	320.307.710.167
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	154.746.474.018	339.533.672	(393.633.917)	154.692.373.773
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	154.692.373.773
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	1.561.184.245
Lợi nhuận khác	-	-	-	475.154.468
Chi phí tài chính	-	-	-	8.291.920.152
Chi phí bán hàng	-	-	-	44.478.561.720
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	33.811.731.442
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	70.146.499.172
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	7.202.933.274
Lợi nhuận trong năm				62.943.565.898



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)

Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Sản xuất và cung cấp nước sạch	Hoạt động xây lắp, tư vấn	Hoạt động khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	438.166.426.180	14.705.204.414	3.212.513.663	456.084.144.257
Tổng doanh thu	438.166.426.180	14.705.204.414	3.212.513.663	456.084.144.257
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	296.983.680.596	13.515.269.101	3.067.254.804	313.566.204.501
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	141.182.745.584	1.189.935.313	145.258.859	142.517.939.756
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	142.517.939.756
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	1.304.215.763
Lợi nhuận khác	-	-	-	1.706.528.906
Chi phí tài chính	-	-	-	9.822.802.508
Chi phí bán hàng	-	-	-	39.072.858.488
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	27.132.841.938
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	69.500.181.491
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	7.353.181.339
Lợi nhuận trong năm				62.147.000.152



VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu sản xuất và cung cấp nước sạch	457.418.761.529	438.166.426.180
Doanh thu hoạt động xây dựng	14.195.286.272	14.705.204.414
Doanh thu khác	3.386.036.139	3.212.513.663
Cộng	475.000.083.940	456.084.144.257

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn sản xuất và cung cấp nước sạch	302.672.287.511	294.566.952.777
Giá vốn hoạt động xây dựng	13.855.752.600	13.515.269.101
Giá vốn khác	3.779.670.056	3.067.254.804
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	2.416.727.819
Cộng	320.307.710.167	313.566.204.501

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.561.184.245	1.304.215.763
Cộng	1.561.184.245	1.304.215.763

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	8.291.920.152	9.822.802.508
Cộng	8.291.920.152	9.822.802.508

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
a. Chi phí bán hàng	44.478.561.720	39.072.858.488
Chi phí lương và các khoản trích theo lương	43.851.061.260	38.050.926.955
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	627.500.460	1.021.931.533
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp	33.811.731.442	27.132.841.938
Chi phí nhân viên quản lý	19.085.208.125	18.012.647.400
Chi phí vật liệu quản lý	188.390.800	250.700.630
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.914.340.764	2.148.273.185
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.554.689.408	1.313.774.717
Thuế, phí và lệ phí	3.048.201.256	3.033.113.444
Chi phí dự phòng	(3.294.347.885)	(4.303.714.539)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.328.110.126	2.948.006.164
Chi phí bằng tiền khác	5.987.138.848	3.730.040.937
Cộng	78.290.293.162	66.205.700.426



VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

6. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Khoản hỗ trợ nhận được	222.629.000	7.211.215.814
Các khoản thu nhập khác	463.938.665	4.086.102.469
Cộng	686.567.665	11.297.318.283

7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	70.146.499.172	69.500.181.491
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Các khoản điều chỉnh tăng	116.049.848	297.341.078
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>116.049.848</i>	<i>297.341.078</i>
Thu nhập chịu thuế	70.262.549.020	69.797.522.569
Thu nhập tính thuế từ cung cấp nước sạch	69.415.744.592	66.063.231.755
Thu nhập tính thuế từ hoạt động khác	846.804.428	3.734.290.814
Thuế suất		
Thuế suất đối với hoạt động xã hội hóa	10,0%	10,0%
Thuế suất hoạt động thông thường khác	20,0%	20,0%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập	7.110.935.345	7.353.181.339
Bổ sung thuế TNDN 2024 theo Biên bản kiểm toán nhà nước	91.997.929	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.202.933.274	7.353.181.339

8. LÃI CƠ BẢN/ SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận/lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	62.943.565.898	62.147.000.152
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	9.441.534.885	9.322.050.023
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	53.502.031.013	52.824.950.129
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	32.995.411	32.995.411
Lãi cơ bản/Suy giảm trên cổ phiếu (**)	1.621	1.601

(*) Theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC, Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế cần được loại ra khỏi lợi nhuận sau thuế khi ước tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. Do vậy, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được tính loại trừ quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2025. Công ty tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2025 với tỷ lệ 15% (được quy định tại Điều lệ Công ty) lợi nhuận sau thuế năm 2025.



(**) Lãi suy giảm trên cổ phiếu: Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Vì vậy, lãi suy giảm trên cổ phiếu cũng bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

9. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	84.612.003.220	83.440.364.631
Chi phí nhân công	161.215.882.866	149.848.510.940
Chi phí khấu hao tài sản cố định	57.765.087.426	55.561.063.712
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.554.416.444	52.517.275.138
Chi phí khác bằng tiền	35.875.833.677	37.255.322.091
Cộng	398.023.223.633	378.622.536.512

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
UBND tỉnh Thanh Hóa	Cổ đông lớn
Ông Phạm Văn Tú	Cổ đông lớn đồng thời là Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo	Lãnh đạo chủ chốt

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các Bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Trả cổ tức		
UBND tỉnh Thanh Hóa	27.677.455.468	21.185.033.929
Ông Phạm Văn Tú	9.075.571.536	6.946.675.107
Cộng	36.753.027.004	28.131.709.036

**NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Ông Lê Thế Sơn	Chủ tịch HĐQT	799.956.250	385.560.000
2. Ông Phạm Văn Tú	Phó Chủ tịch HĐQT	98.495.417	35.000.000
3. Ông Nguyễn Ngọc Cần	Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 01/07/2025)	360.653.917	499.800.000
4. Ông Lê Trung Hiếu	Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT (bỏ nhiệm ngày 01/07/2025)	696.680.417	456.960.000
5. Ông Lê Ngọc Đình	Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu từ ngày 01/08/2025)	328.470.208	456.960.000
6. Ông Lê Sỹ Len	Phó Tổng giám đốc, thành viên HĐQT	702.015.417	456.960.000
7. Ông Lê Văn Quý	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc (bỏ nhiệm ngày 22/08/2025)	493.519.040	443.065.504
8. Bà Lê Thị Hà	Trưởng ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 16/06/2025)	286.227.188	456.960.000
9. Ông Vũ Văn Hà	Trưởng ban kiểm soát (bỏ nhiệm ngày 16/06/2025)	357.737.305	-
10. Bà Trịnh Thị Huyền	Thành viên Ban kiểm soát	294.949.802	222.682.360
11. Ông Nguyễn Công Khanh	Thành viên Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 16/06/2025)	19.500.000	22.500.000
12. Bà Mai Thanh Thương	Thành viên Ban kiểm soát (bỏ nhiệm ngày 16/06/2025)	77.612.173	-
13. Bà Nguyễn Thị Nga	Kế toán trưởng	636.015.417	456.960.000
14. Ông Nguyễn Văn Tân	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 22/08/2025)	235.762.222	-
15. Ông Nguyễn Huy Trường	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 22/08/2025)	235.762.222	-
16. Ông Nguyễn Huy Nam	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 04/06/2024)	-	128.520.000
17. Ông Nguyễn Hùng Phương	Phó Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 04/06/2024)	-	15.000.000
18. Ông Dương Văn Hóa	Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu từ ngày 01/01/2025)	-	456.960.000
Cộng		5.623.356.995	4.493.887.864

1. SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO

Không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu TK

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**



**Lê Thế Sơn
CHỦ TỊCH HĐQT**

